



NỘI SAN PHẬT HỌC THỪA THIÊN HUẾ
HOÀNG PHÁP

21



MỪNG
PHẬT ĐẢN
*Như cánh chim di
Bước vào sự thịnh lặng
Thành tựu
cao cả của trái tim*

04. Giới Thiệu Kinh Pháp Hoa (tt và hết)

Thích Thái Hòa

15.Bố Thí là Sự Tu Tập

Hiện Trú lược dịch

18.Thơ Mừng Phật Đản

Minh Đức Triều Tâm Ánh

19.Tự Do và Khuôn Thước

Nguyễn Minh

24.Thành Tựu Cao Cả Của Trái Tim

Tâm Diệu Phú dịch

34.Bước vào sự thịnh lặng

Nguyễn Duy Nhiên

40.Chùa Tây Thiên

nơi xuất hiện chín bậc cao Tăng kỳ vĩ

Tâm Quang

52.Đóa hoa vô thường (tt và hết)

Hoàng Công Danh

60.Thư gửi bạn

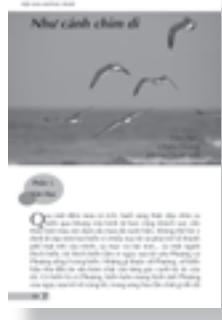
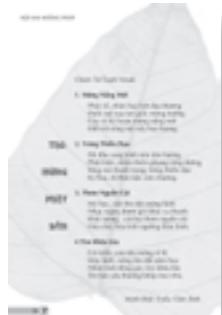
Diệu Ngọc

74.Sương gió xa miền (tt và hết)

Lam Khê

80.Như cánh chim di

Vân Hạc, Chiêu Hoàng, Không Quán





KÍNH MỪNG PHẬT ĐẢN – PL. 2552

Đạo Phật khởi đầu từ một người, nhưng người ấy là ai?

Có người đã thắc mắc hỏi đức Phật:

- Có phải Ngài là một vị thượng đế?
- Không!
- Vậy Ngài là một vị Phạm thiên chăng?
- Không!
- Hay Ngài là một vị thần?
- Không!
- Thế thì Ngài là gì?

Đức Phật ôn tồn đáp:

- Ta là một người tinh thức.

Người tinh thức – trong Phạn ngữ là Buddha, tức là danh xưng Phật được sử dụng ngày nay.

2632 năm về trước, vào một ngày trăng tròn tháng tư, có một người tinh thức đã ra đời - người ấy là đức Phật!

Ngài ra đời trong khi cả thế giới Saha (ta-bà) đang phiêu bồng trong giấc mộng, vạn vật đang đắm chìm trong vô minh, chưa có duyên lành để tỏ ngộ. Con người vẫn ôm chặt khổ đau làm hạnh phúc, vẫn bám víu vào đảo diên làm cứu cánh.

Ngài xuất hiện - bừng sáng như đôi vầng nhật nguyệt, làm



cho cả thế giới này ngập tràn niềm tin và ánh sáng, như đôi bàn tay dịu dàng của mẹ lay chúng ta tỉnh thức, xóa tan đi những mộng mi chập chờn và âu yếm nhắc chúng ta rằng: những ý niệm hận thù, dố kỵ và tỳ hiềm sẽ không giải quyết được gì mà chỉ làm tăng thêm khổ đau. Chỉ có tỉnh thức, tình thương và sự bao dung mới đưa con người gần lại với nhau, bởi hạnh phúc và khổ đau không bao giờ là của riêng ai.

Năm nay, chúng ta lại hân hoan đón mừng ngày bậc Đại Giác ra đời. Trong niềm vui này, xin hãy thành tâm hướng về đảnh lễ đức Phật, xin hãy hoan hỷ chắp tay chào nhau, để được thấy lại sự tỉnh thức trọn vẹn ấy trong mỗi chúng ta. Với tình thương và tuệ giác vô thượng, mỗi bước chân ta đi sẽ là một đóa hoa an lạc cho chính mình và làm đẹp biết bao cho cuộc đời quanh ta.

Hòa chung trong không khí tưng bừng của ĐẠI LỄ VESAK LIÊN HIỆP QUỐC năm 2552 này, Ban Biên tập Hoằng Pháp kính chúc chư tôn Thiền đức Tăng Ni, quý thiện tri thức Phật tử gần xa, cùng quý độc giả một MÙA PHẬT ĐẢN nhiều sức khỏe, an vui và hạnh phúc.

Trân trọng!

Mùa Vesak 2552 (2008)
BAN BIÊN TẬP

Giới Thiệu KINH PHÁP HOA

THÍCH THÁI HÒA

(tiếp theo và hết)



9. Thí Dụ:

Một trong những đặc điểm độc đáo và hấp dẫn của Pháp Hoa là dùng ví dụ để diễn tả thực tại, khiến cho người nghe lãnh hội và chứng nhận một cách dễ dàng.

Ví dụ Ba cõi (Tam giới) là nhà lửa và ngoài nhà lửa có ba xe (Tam thừa), và khi thoát khỏi nhà lửa của Ba cõi rồi thì chỉ cho một chiếc xe quý nhất, giá trị cao nhất, là một ví dụ hết sức sống động và độc đáo của Pháp Hoa.

Chính ví dụ này giúp cho đối tượng đương cơ của Thanh văn trực cảm được mục đích ra đời và giáo hóa của Phật chính là giáo pháp Nhất thừa và giáo pháp Tam thừa chỉ là phương tiện.

Hoặc như ví dụ Trưởng giả và đứa con khốn cùng (cùng tử) ở

phẩm Tín giải cung hết sức sâu xa và độc đáo.

Sâu xa là vì cách ví dụ rất sinh động và hàm súc, với hình ảnh người con vốn sinh trưởng trong dòng dõi giàu có, quý tộc nhưng do ham chơi lâu ngày quên mất gốc rễ nên mới trở thành kẻ khốn khổ, phải đi làm thuê mướn bần cùng; nhờ người cha thông minh nên đã biết sử dụng mọi phương tiện để gần gũi và vỗ về con, sau đó đưa con trở về, trao cho hết cả gia tài và dạy dỗ cho cách sử dụng. Cũng vậy, các vị Thanh văn, Duyên giác, Bồ-tát vốn sinh ra từ Phật thủa, nhưng ham thích theo niềm vui nhỏ nhoi của các thửa Thanh văn, Duyên giác và Bồ-tát mà quên mất Phật thửa. Vì vậy mà họ chỉ có những niềm vui rất hạn chế, hẹp hòi, không có được niềm vui lớn lao của quả Phật. Do đó, Phật rất thương xót, tìm đủ mọi phương tiện để gần gũi, dịu dắt, tạo điều kiện giúp họ quay trở về với Phật thửa.

Sâu xa là vậy, mà độc đáo là vì chính quý vị theo Thanh văn thửa khi nghe Phật nói thí dụ “nhà lửa và ba xe” ở phẩm Thí dụ thì họ nhận ra ngay giáo lý Nhất thửa mới là cứu cánh của Phật muốn chia sẻ cho đệ tử, mà họ đã tự ví mình là cùng tử và vị trưởng giả giàu có biết sử dụng mọi phương tiện để đưa con trở về giao hết gia tài chính là Đức Phật.

Sâu xa và độc đáo hơn nữa là ví dụ này chỉ ra rằng: Cho dù bất cứ ai, bất cứ hạnh loại và trình độ tu học cỡ nào, mà nếu quên mất Phật tính thì đều trở thành kẻ lạc đường và lạc hậu.

Lại như ví dụ “hóa thành” và “bảo sở” ở phẩm Hóa thành dụ là nói lên khả năng phương tiện thiện xảo của Phật, của Bậc Đạo Sư với sự dịu dắt và nhiếp hóa chúng sanh.

Lại như thí dụ “được thảo”, ở phẩm Được thảo dụ là dụ cho tâm từ bi bình đẳng hóa của Phật, và Phật tính vốn bình đẳng nơi tất cả mọi người.

Thí dụ “hạt ngọc trong chéo áo” ở trong phẩm Ngũ bách đệ tử thọ ký là dụ cho sự tu tập mà quên mất Bồ-dề tâm, quên mất đại nguyện, thì phải bần cùng khốn khổ. Nếu nhớ lại Bồ-dề tâm và đại nguyện đã từng phát khởi thì sẽ không còn nghèo

nàn nữa.

Cũng vậy, người tu tập Bồ-tát đạo thì phải có đức tin và hạnh nguyện của Bồ-tát để đào sâu vào Phật tri kiến. Và vị pháp sư Pháp Hoa là vị tinh cần đào xới để có Phật tri kiến và chắc chắn sẽ có vì đã đến gần.

Thí dụ “kết châu”- hạt minh châu trong búi tóc của vua ở phẩm An lạc hạnh là dụ cho Nhất thừa nằm trong Tam thừa; thật pháp nằm trong quyền pháp, thật trí có mặt trong quyền trí và cứu cánh có mặt ngay trong phương tiện. Phật là dâng Pháp Vương hiển thị Phật tính, thật trí hay thật pháp chỉ cho những vị phát khởi đại nguyện hành trì và hoằng truyền Pháp Hoa.

Và thí dụ “lương y”- vị y sĩ giỏi trong phẩm Như Lai thọ lương nói rằng: Vị lương y vì muốn trị bệnh cho các con mà phải mượn cớ đi sang nước khác, để các con tự nghĩ mình côc cút, không nơi nương nhờ mà sinh tâm tinh ngô.

Cũng vậy, Phật không có Niết-bàn, báo thân của Ngài đã thành Phật từ vô lượng kiếp vẫn còn đó, nhưng Ngài phương tiện nói nhập Niết-bàn là để trị bệnh lười biếng tu học của hàng đệ tử và để dạy cho chúng sanh thấy rằng: Phật rất khó gặp, để họ phát tâm ngưỡng mộ mà tu tập.

Và còn rất nhiều ví dụ khác nữa của kinh Pháp Hoa đều hết sức sâu thẳm và độc đáo; đặc biệt và sống động.

10. Giới, Định Và Tuệ:

Căn bản của Giới học Pháp Hoa là phát khởi Bồ-đề đại nguyện. Vì thế, Bồ-tát khác biệt với Thanh văn chính là do nơi Bồ-đề đại nguyện. Nếu không phát khởi đại nguyện thì dù có tu tịnh hạnh đến mức nào cũng không phải là Bồ-tát.

Và nếu đã phát khởi Bồ-đề đại nguyện mà quên đi mất thì không còn là Bồ-tát.

Tu tập mà không phát khởi đại nguyện Bồ-đề thì dù tu bao lâu cũng không thành Phật, tu đến mức nào cũng vẫn là hạn hẹp.

Và tu tập mà quên mất đại nguyện Bồ-đề thì cũng giống như kẻ “quên mất hạt chau trong chéo áo”, nên phải trở thành kẻ nghèo nàn, chỉ làm thuê mướn để kiếm sống qua ngày.

- ⌚ Phẩm Pháp sư của kinh Pháp Hoa là thiết lập căn bản đại nguyện Bồ-đề.
- ⌚ Phẩm Hiện bảo tháp là chứng minh cho sự thiết lập căn bản đại nguyện ấy.
- ⌚ Phẩm Đề-bà-đạt-đa là nhớ lại đại nguyện Bồ-đề và khuyến khích phát khởi đại nguyện.
- ⌚ Phẩm Khuyến trì là khuyến khích phát khởi đại nguyện và duy trì đại nguyện Bồ-đề ấy.
- ⌚ Phẩm An lạc hạnh là thực hiện đời sống của đại nguyện Bồ-đề là đời sống Pháp Hoa.
- ⌚ Phẩm Tòng địa dōng xuất và phẩm Như Lai thọ lượng là nói rõ đời sống rộng lớn, siêu việt thời gian và không gian của đại nguyện Bồ-đề.
- ⌚ Phẩm Phân biệt công đức, phẩm Tùy hỷ công đức, phẩm Pháp sư công đức, phẩm Bồ-tát Thường Bất Khinh là nói rõ đức tin và thành quả của đại nguyện Bồ-đề.
- ⌚ Phẩm Chúc lụy là ký thác đại nguyện Bồ-đề, khiến đại nguyện ấy còn mãi.
- ⌚ Phẩm Như Lai thần lực là yểm trợ triệt để cho đại nguyện Bồ-đề.

Và các phẩm còn lại là các Đại Bồ-tát tiếp tục thực hành đại nguyện Bồ-đề và yểm trợ đại nguyện ấy.

Như vậy, ta thấy Giới học Pháp Hoa là phát khởi đại nguyện Bồ-đề và thường xuyên thực hành đại nguyện ấy cho đến khi thành tựu Vô thượng Bồ-đề.

Thành tựu Vô thượng Bồ-đề đại nguyện là thành tựu Thanh tịnh pháp thân, thành tựu Viên mãn báo thân và thành tựu Thiên bách ức hóa thân.

NỘI SAN HOÀNG PHÁP

Do đó, thành tựu đại nguyện Bồ-đề hay thành tựu Giới học Pháp Hoa là thành tựu Pháp thân thanh tịnh của Phật. Pháp thân ấy có mặt cùng khắp pháp giới.

Thành tựu Giới học Pháp Hoa là thành tựu Báo thân thường trú, viên mãn vô lượng phước đức và trí tuệ của Phật. Thân ấy không bị sinh diệt chi phối. Thân ấy hiện hữu qua vô lượng thời gian.

Và thành tựu Giới học Pháp Hoa là thành tựu Thiên bách ức hóa thân của Phật. Thân ấy ngay nơi Báo thân của Phật, cùng một lúc mà hóa hiện cùng khắp để hoằng truyền Pháp Hoa đến mọi phương sở, mọi chủng loại đúng như đại nguyện Bồ-đề.

Do đó, Giới học Pháp Hoa làm cho Giới học Thanh văn, Giới học Duyên giác, Giới học Bồ-tát đều trở thành Giới học viên mãn đại nguyện Bồ-đề.

Thế nên, Giới học Pháp Hoa là cực kỳ độc đáo, đặc biệt, rộng lớn và sâu xa.

Định học Pháp Hoa thiết lập trên nền tảng của đại nguyện Bồ-đề và từ bi mà phẩm chất của người tu học và hoằng truyền kinh Pháp Hoa cần phải có.

Và từ thiết lập ấy mà Định học và Tuệ học Pháp Hoa được dẫn sinh.

Ở phẩm Pháp Sư, Đức Phật nói với Bồ-tát Dược Vương rằng: “*Người nào muốn giảng kinh Pháp Hoa sau khi Như Lai diệt độ, người ấy phải vào nhà Như Lai, phải đắp y Như Lai và phải ngồi tòa Như Lai. Nhà Như Lai chính là tâm đại bi đối với hết thảy chúng sanh. Y Như Lai là đức tính nhu hòa nhẫn nhục và tòa Như Lai là nguyên lý Không của hết thảy pháp*”.

Như vậy, tâm đại bi là Giới học Pháp Hoa, đức tính nhu hòa nhẫn nhục là Định học Pháp Hoa và nguyên lý Không của hết thảy pháp là Tuệ học.

Pháp Hoa đã thiết lập Giới học từ tâm đại bi. Và từ tâm đại bi mà thiết lập Định học và từ Định học ấy mà thiết lập Tuệ học.

Trong Phẩm An lạc hạnh, Đức Phật nói với Bồ-tát Văn-thù-sư-

lợi rằng Định học Pháp Hoa cần có hai mặt là ‘thân cận xứ’ và ‘thân cận quán’:

- Thân cận xứ: Vị thực tập Định học Pháp Hoa thường ưa ngồi thiền, ưa sống ở nơi nhàn tịnh và thường ưa nghiệp phục tâm ý.
- Thân cận quán: Vị ấy thường quán nguyên lý Không của hết thảy pháp, quán chiếu tướng như thực của các pháp.

“Tướng ấy, không diên đảo, không chuyển động, không thối lui, không tiếp diễn, không sở hữu, không ngôn ngữ diễn đạt, không khởi sinh, không xuất hiện, không trỗi dậy, không tên gọi, không tướng trạng, không số lượng, không biên giới, không đối ngại, không ngăn cách.

Chúng chỉ do nhân duyên mà có và từ nhận thức sai lầm mà phát sinh.”

Và thân cận quán này, Đức Phật đã nói với Bồ-tát Vô Tận Ý trong phẩm Phổ môn qua bài kệ như sau:

真觀清淨觀
廣大智慧觀
悲觀及慈觀
常願常瞻仰

Chân quán, thanh tịnh quán
Quảng đại trí tuệ quán,
Bi quán cập từ quán
Thường nguyện, thường chiêm ngưỡng”

Nghĩa là:

Quán chiếu đúng sự thật,
Quán chiếu thật thanh tịnh,
Quán chiếu trí tuệ lớn,
Quán chiếu bằng đại bi,
Quán chiếu bằng đại từ,
Thường ước nguyện tu tập,
Thường chiêm nghiệm, ngưỡng mộ.

NỘI SAN HOÀNG PHÁP

- Quán chiếu đúng sự thật là nhìn sâu vào mọi đối tượng để thấy rõ tự tính Chân như nơi mọi đối tượng ấy.
- Quán chiếu thật thanh tịnh là sự quán chiếu trong suốt, không bị mọi ý tưởng về ngã chấp làm ngăn ngại.
- Quán chiếu trí tuệ lớn là sự quán chiếu không bị các ý tưởng về pháp chấp làm trở ngại.
- Quán chiếu bắng đại bi là sự quán chiếu cứu độ chúng sanh bằng bản nguyện đại bi rộng lớn, toàn diện và cùng khắp.
- Quán chiếu bắng đại từ là sự quán chiếu thương yêu chúng sanh bằng bản nguyện đại từ rộng lớn, toàn diện và cùng khắp.

Trong năm pháp thiền quán này, ba pháp quán đầu là Định học Pháp Hoa và hai pháp quán sau là Giới học Pháp Hoa.

Và như vậy, Giới học Pháp Hoa và Định học Pháp Hoa không thể tách rời nhau mà chúng luôn luôn có mặt trong nhau để hỗ trợ nhau, khiến từ đó mà Định học Pháp Hoa phát triển rộng lớn, cùng khắp, toàn diện và viên mãn.

Và thiền định Pháp Hoa chính là “vô lượng nghĩa xứ tam muội” (Anantanirdeśapratiṣṭhānasamādhi)

Pratiṣṭhāna trong tiếng Phạn có nghĩa là xứ, là điểm hay lãnh vực của tâm an trú. Điểm ấy chính là “thực tướng” của vạn hữu.

Anantanirdeśa trong tiếng Phạn có nghĩa là



Vô lượng nghĩa. Nội dung của vô lượng nghĩa là Mười như thị.



Như vậy, Định (samādhi) của Pháp Hoa là *Định Vô lượng nghĩa*. Nhập định này là tâm luôn luôn an trú trong thực tướng của vạn hữu và đồng nhất với thực tướng ấy. Nghĩa là tâm luôn luôn an trú và đồng nhất với *Mười như thi*.

Thế nên, thiền định Pháp Hoa là thiền định của Phật. Thiền định ấy cực kỳ sâu thẳm, toàn diện và cùng khắp. Do đó, không có bất cứ loại thiền định nào có thể so sánh.

Tuệ học Pháp Hoa được thiết lập trên nền tảng của Định học Pháp Hoa. Nghĩa là từ nơi sự quán chiếu *nguyên lý Không* của tất cả pháp mà dẫn sinh tuệ học toàn diện.

Toàn diện đối với tâm, toàn diện đối với trí và toàn diện đối với phương tiện lực.

Đối với tâm, Tuệ học Pháp Hoa quét sạch mọi phiền não do chấp ngã và pháp, không những đưa tâm trở về với tự tánh thanh tịnh, mà còn làm cho tâm sinh khởi đại bi, phát khởi đại nguyện để cứu độ hết thảy chúng sanh.

Như ở phẩm Pháp Sư, Đức Phật nói với Bồ-tát Dược Vương rằng:

“Này Dược Vương! Nên biết người ấy, sau khi Như Lai diệt độ, tự họ buông bỏ quả báo thanh tịnh là do lòng thương xót chúng sinh mà sinh ra trong thời đại xấu ác để để diễn giảng kinh Pháp Hoa này một cách rộng rãi.”

Đối với trí, Tuệ học Pháp Hoa chính là Thật trí. Thật trí ấy là trí thấy rõ sự thật toàn diện

NỘI SAN HOÀNG PHÁP

nơi mọi pháp. Nghĩa là, Tuệ giác thấy rõ *Mười như thị ngay nơi mỗi một pháp.*

Thế nên, ở phẩm Phuong Tiện, Đức Phật nói với Tôn giả Xá-lợi-phất như sau: “*Pháp được Như Lai thành tựu hiếm có bậc nhất, rất khó hiểu, chỉ có Như Lai cùng với các Như Lai mới có năng lực xét thấu đến chỗ tột cùng thật tướng của các pháp.*”

Thật tướng của các pháp ấy là: Tướng như vậy, Tánh như vậy, Thể như vậy, Lực như vậy, Tác như vậy, Nhân như vậy, Duyên như vậy, Quả như vậy, Báo như vậy, hết thảy gốc rễ và ngọn ngành tuyệt đối bình đẳng như vậy”.

Và từ Tuệ giác hoàn toàn này mà sinh khởi Phương tiện trí, để thiết lập Tam thừa, giáo hóa, dùn dắt hết thảy mọi căn cơ, nhằm đưa họ đến với Nhất thừa Phật đạo.

Điều này, Đức Phật nói với Tôn giả Xá-lợi-phất rằng: “*Này Xá-lợi-phất! Ta từ khi thành Phật cho đến ngày nay, đã dùng các loại nhân duyên, các loại thí dụ, trình bày giáo pháp rộng rãi bằng ngôn ngữ, sử dụng vô số phương tiện để dẫn dỗ chúng sanh, khiến họ xa lìa mọi vướng mắc.*

Vì sao làm được như vậy? Vì Như Lai đều có đầy đủ sự thấy biết và phương tiện toàn vẹn...”

Như vậy, Tuệ học Pháp Hoa là Tuệ học thấy rõ thực tướng toàn diện của mỗi pháp bằng *Mười như thị*. Và từ sự thấy biết ấy mà thiết lập giáo pháp Tam thừa, để hoạt dụng và đưa các Thánh tăng Tam thừa hội nhập Nhất thừa.

Thế nên, Tuệ học Pháp Hoa cực kỳ sâu xa và đặc biệt.

Nói tóm lại, Giới - Định - Tuệ Pháp Hoa là Giới - Định - Tuệ của bản nguyện Đại bi và Đại trí, nên chính là phương tiện để độ đời, nhưng cũng chính là cứu cánh, là đích điểm đồng quy của mọi phương tiện, nghĩa là ngay nơi phương tiện mà hiển thị cứu cánh.

11. Nguyên ủy của Pháp Hoa:

Nguyên ủy kinh Pháp Hoa, theo Ngài Văn-thù-sư-lợi nói ở phẩm Tựa là có từ Đức Phật Nhật Nguyệt Đặng Minh cách đây vô số thời kỳ.

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi đã từng nghe kinh Pháp Hoa từ Đức Phật ấy và đã từng giảng dạy, hướng dẫn tu học Pháp Hoa cho 800 đồ chúng, trong đó có Bồ-tát Di-lặc hiện nay.

Ở phẩm Hóa thành dụ, Đức Phật Thích-ca nói rằng, cách đây một quãng thời gian “*tam thiên trần điểm kiếp*” có Đức Phật ra đời tên là Đại Thông Trí Thắng, thế giới tên là Hảo Thành, kiếp tên là Đại Tướng, đã giảng dạy kinh Pháp Hoa, với nội dung Tam thừa là phương tiện và Nhất thừa là chân thật. Niết-bàn của A-la-hán là tạm thiết lập, Niết-bàn của Phật mới là chân thật tuyệt đối.

Bấy giờ Đức Phật Thích-ca là một trong mười sáu Vương tử, phát nguyện xuất gia làm Sa-di Bồ-tát, đệ tử của Đức Phật Đại Thông Trí Thắng, đã từng thọ học Pháp Hoa với Đức Phật này, cũng đã từng giảng dạy, hướng dẫn vô số đệ tử tu học kinh Pháp Hoa.

Và nhiều vị Thanh văn, Bồ-tát đã từng học Pháp Hoa với Sa-di Bồ-tát Thích-ca ngày ấy, hiện nay vẫn đang có mặt trong hội Pháp Hoa tại đỉnh Linh Sơn này.

Như vậy, nguyên ủy kinh Pháp Hoa là nguyên ủy của giáo pháp Nhất thừa đã có từ Phật Nhật Nguyệt Đặng Minh, theo sự trải nghiệm của Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi và có từ Đức Phật Đại Thông Trí Thắng đã trải qua “*tam thiên trần điểm kiếp*” được kể lại từ tuệ giác của Đức Phật Thích-ca Mâu-ni.

Và ở trong phẩm Phương tiện, Đức Phật nói với Tôn giả Xá-lợi-phất rằng: “*Pháp Nhất thừa chỉ có các Đấng Như Lai giác ngộ mới chứng biết. Và chư Phật xuất thế cũng để khai mở cái thấy biết của Phật ấy cho chúng sanh, để cho họ ngộ nhập; đó là mục đích duy nhất.*

“*Và chư Phật ba đời chỉ giáo hóa cho chúng sanh làm Bồ-tát, và sau đó là trao cho họ pháp Nhất thừa để làm Phật, mà không có trao thừa nào khác.*

NỘI SAN HOÀNG PHÁP

“Chư Phật ba đời và mười phương có mặt trong thế gian cũng chỉ làm một việc đó thôi.

“Nên, nay Như Lai cũng vậy.”

Do đó, lịch sử Pháp Hoa là lịch sử truyền thừa của chư Phật.

Lịch sử ấy đã có từ chư Phật với trải qua vô lượng thời gian trong quá khứ, nó đang tiếp diễn ở hiện tại và sẽ tiếp diễn vô tận trong tương lai.

Đó là một trong những điểm độc đáo, không chỉ là nguyên ủy mà còn là lịch sử truyền thừa của Pháp Hoa, đều là vô tận. Vô tận trong quá khứ và vô tận trong vị lai.

Tại sao vậy? Vì nếu có tâm là có Phật, và có tâm là có chúng sanh. Tâm đã vô cùng, thì Phật cũng vô tận. Và Phật vô tận là để giáo hóa vô tận chúng sanh, khiến họ nhận ra được Phật tính ở nơi chính mình mà ngộ nhập.

Thế nên, việc Ngài Văn-thù-sư-lợi nói với Bồ-tát Di-lặc ở phẩm Tự về nguyên ủy Pháp Hoa, hay Đức Phật Thích-ca nói với Tôn giả Xá-lợi-phất về nguyên ủy Pháp Hoa ở phẩm Hóa thành dụ, cũng chỉ là nói theo ngôn ngữ ước lệ quyền xảo, chứ không nói theo ngôn ngữ diễn tả “*thực tướng về nguyên ủy*”.

Hai ví dụ “*tam thiên trần điểm kiếp*” ở phẩm Hóa thành và “vô số *tam thiên trần điểm kiếp*” ở phẩm Như Lai thọ lượng đã cho ta thấy nguyên ủy kinh Pháp Hoa hay nguyên ủy thành Phật của Phật Thích-ca là một nguyên ủy vượt thoát hẳn mọi ngôn ngữ ý niệm của con người.

Đó là điểm hết sức sâu thẳm, vi diệu và độc đáo, khi Đức Phật nói cho Tôn giả Xá-lợi-phất và thính chúng đương cơ Thanh văn về nguyên ủy tu học Pháp Hoa của Ngài khi còn là chú Sa-di Bồ-tát.



BỐ THÍ

LÀ

SỰ

TU TẬP

Gloria Taraniya Ambrosia

Nhiều năm trước đây tôi có hướng dẫn những khóa tu học với chủ đề về bố thí (dāna) như là một phương pháp tu tập. Những người đến tham dự là một nhóm tình nguyện viên của một trung tâm thiền tập trong vùng. Chúng tôi khám phá ra một điều khá ngạc nhiên là chỉ có một vài người trong nhóm nghĩ rằng, sự phục vụ của mình cũng là một phương pháp tu tập. Còn đa số thì cho rằng, họ bỏ công sức và

thì giờ làm việc là vì không có đủ tiền, cho nên họ tình nguyện giúp việc trong các trung tâm để có thể tham dự các khóa tu học miễn phí.

Trong tâm của những người ấy, họ chú trọng về những gì mình được tiếp nhận hơn là những gì mình mang ra ban cho. Cũng có một số người nói rằng, họ tình nguyện là vì nó thích hợp với “triết lý sống” của họ, phụng sự là một việc cao thượng “đáng làm”, thế thôi! Họ không cảm thấy một cái gì đặc biệt trong công việc ấy hết. Và họ cũng không thấy được một tương quan nào giữa sự tình nguyện của mình với một phương pháp tu tập. Họ nghĩ rằng rằng dāna, bố thí hay cúng dường, chỉ có nghĩa là ta kính dâng tặng một số tiền cho vị thầy hướng dẫn

sau mỗi khóa tu.

Theo tôi thì các tình nguyệt viễn này đã vô tình không ý thức được những hạnh phúc lớn trong sự bố thí công sức và thời giờ của họ. Chúng ta ai cũng biết rằng, mình cần bỏ công sức vào những việc gì mình tin và trân quý, nhưng ít ai trong chúng ta hiểu được sâu sắc về lợi ích của nó.

Và tôi cũng ngờ rằng, trong chúng ta có mấy ai hiểu được lý do vì sao sự bố thí lại được xem là rất quan trọng trong đạo Phật. Chúng ta ai cũng biết ban cho là một điều tốt lành, và ta sẵn sàng giúp đỡ người khác mỗi khi có ai cần đến. Nhưng chúng ta có nhìn sâu sắc và thấy được rằng bố thí cũng là một con đường tu tập giải thoát chăng? Có một vị thầy rất nổi tiếng nói như thế này, “Trong cuộc sống đầy những thúc đẩy chạy theo vật chất này, mà gốc rễ là do lòng tham ái, bố thí là con đường đưa ta đến Niết-bàn.”

Khi giảng dạy cho những người mới bước vào con đường tu tập, đức Phật thường bắt đầu bằng cách dạy họ bố thí. Và có nhiều người tin rằng, sở dĩ đức Phật đặt nó vào địa vị

đầu tiên trong các ba-la-mật (pāramitā) là vì bố thí là nền tảng căn bản nhất, các ba-la-mật khác đều phát triển từ sự bố thí. Nhưng cũng có khi vì nó được nhắc đến đầu tiên, mà ta có thể cho rằng nó không quan trọng, chỉ là bước đầu cho người sơ cơ mới vào đạo. Ta có thể bỏ qua để thực tập những cái khác “cao” hơn! “Biết rồi, biết rồi, bây giờ thực tập tiếp sang cái khác đi!” Nhưng thật ra bố thí, cúng dường, không phải chỉ là một phần của con đường tu học, mà nó chính là nền tảng căn bản của sự tu tập. Và chính từ cái nền tảng đó mà tất cả những cái khác được xây dựng lên.

Có một vị sư trưởng trong truyền thống của Ngài Ajahn Chah nói rằng, sở dĩ đức Phật



dạy bố thí đâu tiên hết, là vì nếu như một người không thể thực tập bố thí, thì ta không thể nào dạy đạo cho người ấy được. Nếu ta không thấy được tầm quan trọng của sự bố thí, và không có một kinh nghiệm gì về nó, thì những hình thức tu tập khác - như là trì giới, thiền quán, hoặc tâm từ - sẽ không thể nào cất cánh nổi. Ta cần phải có một sự mềm mỏng của con tim, một sự nhẹ nhàng êm ái, một thái độ vị tha, trước khi có thể bắt đầu bước đi trên con đường tu tập! Và sự nhẹ nhàng êm ái ấy chỉ có thể được phát triển bằng kinh nghiệm trực tiếp của sự bố thí.

Tôi nghĩ không hề quá đáng khi cho rằng, hiểu và ý thức được rõ năng lượng của bố thí là một điều kiện tiên quyết trên con đường giải thoát. Như thế thì ta thực hành bố thí trên con đường tu tập của mình như thế nào? Câu trả lời là thế này: bằng cách tiếp xúc lại với hạt giống rộng lượng trong ta, và học trực tiếp từ ngay chính kinh nghiệm thực tập bố thí. Tôi biết điều

đó không đơn giản như mình nghĩ, nhưng sự thực tập bố thí có công năng chuyển hóa được cái Ngã chấp của mình. Với sự thực tập này, chúng ta sẽ chuyển hóa được những chấp giữ trong ta - chỉ biết có mình, của mình và cho chính mình - và ta thay thế chúng bằng sự quan tâm đến những an lành của kẻ khác.

Trên con đường tu tập, bố thí là một phương pháp thực tập rất nhiệm mầu. Ta hãy kinh nghiệm trực tiếp từ hai hành động của mình: ban cho và nắm giữ lại, cái nào sẽ mang đến cho ta khổ đau và cái nào sẽ mang lại cho ta nhiều hạnh phúc hơn? Đức Phật có nói thế này: “Này các thầy, trong cuộc sống này, một người biết ban cho sẽ có ba hạnh phúc. Ba hạnh phúc ấy là gì? Trước khi bố thí tâm người ấy cảm thấy hạnh phúc. Trong khi bố thí, tâm người ấy cảm thấy an lạc. Và sau khi bố thí tâm người ấy cảm thấy rất hân hoan.” (Anguttara, 6.37)

Ta hãy thử thực tập và hãy tự chính mình kinh nghiệm đi!

(hết)

There's More to Giving Than We Think
Hiện Trú lược dịch

Chùm Tứ Tuyệt Vesak

1. Mừng Nắng Mới

Phật về, nhân loại bớt đau thương
Đuốc tuệ xua tan giấc mộng trường
Cây cổ hỷ hoan mừng nắng mới
Đất trời sông núi nẩy hoa hương.

TÌNH: 2. Trăng Thiền Đạo

Đê đâu cung kính nén tâm hương
Phật hiện, nhân thiên phụng cúng dường
Sông núi thanh trong, trăng thiền đạo
Kỳ hoa, dị thảo nức văn chương.

MỪNG

PHẬT

ĐẢN

3. Thơm Nguồn Cội

Mỹ học, văn thơ dệt mộng lành
Nhạc ngàn, thơm gió khúc ca thanh
Khói sương, cát bụi thơm nguồn cội
Hóa chữ, hóa tình ngưỡng Đản Sinh.

4. Tim Khêu Lửa

Cái kiến, con sâu mừng rộ lệ
Mây lành, nắng ấm đất ướm hoa
Nhân tình đồng giá, tim khêu lửa
Tin báo yêu thương khắp mọi nhà.

Minh Đức Triều Tâm Anh

TỰ DO VÀ KHUÔN THƯỚC



Nguyễn Minh

Tất cả chúng ta đều yêu thích tự do, thậm chí có thể sẵn sàng làm bất cứ điều gì để bảo vệ sự tự do trong cuộc sống.

Sự khao khát tự do càng mãnh liệt hơn ở ngưỡng cửa bước vào đời, khi các bạn trẻ lần đầu tiên có cảm giác được tự quyết về việc làm của mình. Vì thế, đôi khi các bạn cảm thấy rất khó chịu hoặc thậm chí cho rằng bị xâm phạm

nếu có ai đó ngăn cản, giới hạn sự tự do của bạn.

Nhưng bạn ơi, trước khi bạn có một phản ứng nào đó để bảo vệ sự tự do của mình, tôi muốn bạn hãy thử đưa ra một định nghĩa khái quát về sự tự do ấy.

Rất có thể bạn sẽ cho là điều ấy quá dễ dàng. Nhưng hãy suy nghĩ thêm một chút, bạn sẽ thấy vấn đề không thực sự đơn giản chút nào. Sự thật là

đã có không ít những tranh cãi và lập luận khác nhau về cái gọi là tự do trong cuộc sống. Và cho dù nền văn minh nhân loại đã tự hào tiến bộ rất xa so với chỉ một vài thập kỷ trước đây, nhưng khắp mọi nơi trên thế giới này người ta vẫn giữ những nhận thức, khái niệm khác nhau về tự do, không thể đạt đến một nhận thức chung hay một định nghĩa khái quát có thể phù hợp cho tất cả mọi người.

Không cần thiết phải làm cho các bạn đau đầu với những khái niệm khác nhau về tự do trên thế giới – nhưng nếu muốn, bạn vẫn có thể tìm hiểu để biết, bởi vì đó là điều hoàn toàn có thật. Chỉ cần phân tích ngay trong những bối cảnh rất gần của chúng ta, cũng có thể thấy được điều này. Chẳng hạn, nếu không phải là khác với những trường hợp thông thường thì khái niệm về tự do của bạn và cha hoặc mẹ bạn có rất nhiều khả năng là không giống nhau. Vì thế, sẽ có những việc bạn cho là hoàn toàn hợp lý để tự do thực hiện, nhưng cha hoặc mẹ bạn lại cho là cần phải

ngăn cấm hoặc đặt ra những giới hạn nhất định. Vấn đề cũng sẽ tương tự với các anh, chị hay thầy cô giáo... và vì thế bạn sẽ có đôi lúc thấy băn khoăn về giới hạn thực sự của cái gọi là tự do: có hay không có, hoặc có đến mức độ nào là hợp lý?

Rất có thể bạn sẽ nghĩ về tự do như là một trạng thái không bị kiềm chế, luôn được quyền làm theo ý muốn của chính mình. Nhưng thực ra thì trong cuộc sống này chưa bao giờ đã từng có một trạng thái như vậy cả! Bởi một lẽ rất đơn giản là ý muốn của mỗi người sẽ có thể tạo ra những xung đột, mâu thuẫn nhất định với người khác, và do đó nhất thiết phải có những giới hạn được đặt ra để đảm bảo một sự tự do chung cho tất cả mọi người trong một cộng đồng.

Lấy một ví dụ nhỏ như khi bạn đang vui và thích ca hát ầm ĩ, nhưng lúc bấy giờ đã là 12 giờ khuya. Bạn không thể thực hiện theo ý muốn của mình một cách tự do trong trường hợp này, vì như thế thì những người hàng xóm của bạn sẽ không sao ngủ được!

Những giới hạn như vừa nói là phát sinh từ môi trường sinh hoạt khác nhau của mỗi cộng đồng, nên tất yếu là chúng không thể giống nhau ở những cộng đồng xã hội khác nhau. Chẳng hạn, những giới hạn trong một cộng đồng xã hội Hồi giáo khác với trong một cộng đồng xã hội phương Tây, và những giới hạn trong một cộng đồng xã hội phương Tây lại không thể giống với trong một cộng đồng xã hội Á Đông...

Nhưng giới hạn đến mức nào là hợp lý và không bị xem là xâm phạm hoặc tước bỏ quyền tự do của mỗi cá nhân?

Hình thức giới hạn đầu tiên mà chúng ta có thể dễ dàng thấy được là luật pháp. Chẳng hạn, khi đi đường bạn phải giới hạn sự tự do của mình trong khuôn khổ luật giao thông quy định, không thể tự do vượt đèn đỏ hoặc lấn sang phần đường của người đi ngược chiều...

Nói chung, trong mỗi lãnh vực khác nhau đều có những quy định bằng văn bản của pháp luật để mọi công dân đều phải tuân theo, nhằm

đảm bảo một mức độ tự do hợp lý, không ai có thể xâm phạm đến quyền lợi chính đáng của người khác bằng sự tự do của cá nhân mình.

Vì thế, có người nói rằng: tự do là quyền làm tất cả những gì mà luật pháp cho phép. Nhưng câu nói này chỉ đúng mà chưa đủ, bởi vì ngoài luật pháp ra, còn có nhiều hình thức giới hạn khác nữa mà chúng ta sẽ đề cập đến sau đây.

Hình thức giới hạn thứ hai thuộc phạm trù phong tục, tập quán của từng xã hội. Có những hành vi luật pháp không ngăn cấm, nhưng bạn vẫn không thể tự do thực hiện chỉ vì nó trái với phong tục, tập quán của xã hội mà bạn đang sống. Chẳng hạn như trong các lễ nghi cưới hỏi, bạn không thể hoàn toàn làm theo ý mình, mà phải tuân theo một số các tập tục được mọi người khác trong xã hội chấp nhận... Trong giao tiếp xã hội cũng vậy, nếu bạn không quan tâm đến những giới hạn thuộc loại này, sự tự do của bạn sẽ bị những người khác xem là lố bịch hay lập dị, cho dù những điều đó hoàn toàn không vi

phạm vào luật pháp.

Hình thức giới hạn thứ ba là những vấn đề thuộc phạm trù đạo đức. Bạn không thể tự do thực hiện những điều đi ngược lại với các tiêu chuẩn đạo đức được mọi người trong xã hội thừa nhận, bởi vì tuy những điều đó không được quy định trong luật pháp, nhưng lại chính là những kinh nghiệm quý giá trong việc đào luyện, hình thành một cuộc sống tốt đẹp. Khi bạn đi ngược với những tiêu chuẩn đạo đức, bạn sẽ trở thành người “vô đạo đức”, và theo kinh nghiệm chắc chắn của nhiều thế hệ đi trước đã truyền lại thì một người như thế không thể có được cuộc sống an vui, hạnh phúc.

Hình thức giới hạn thứ tư thuộc về quan điểm của mỗi cá nhân. Xuất phát từ khuynh hướng hoàn thiện bản thân và hướng thượng, mỗi người chúng ta đều có những quan điểm riêng được đúc kết từ các vấn đề đạo đức, tri thức đã được tiếp nhận, cũng như từ môi trường giáo dục, tín ngưỡng đã được đào luyện từ thuở nhỏ. Tất cả những điều đó được phản ánh qua



lăng kính của cá nhân để tạo thành quan điểm sống của chính cá nhân đó. Và khi đã hình thành một quan điểm sống của riêng mình, chúng ta sẽ không chấp nhận sự buông thả phóng túng bản thân đi ngược lại quan điểm sống của mình.

Chưa phải là đã hết, nhưng chỉ tạm nêu ra các vấn đề như trên cũng đủ để chúng ta thấy được sự phức tạp và khó khăn trong việc đưa ra một định nghĩa chung về tự do. Các hình thức giới hạn như trên bao hàm cả những vấn đề cụ thể (như luật pháp) và mơ hồ (như các khái niệm về đạo đức, phong tục, tập quán...), cả khách quan và

chủ quan, và do đó bao giờ cũng hình thành một ý niệm về tự do với những khác biệt nhất định ở mỗi người trong chúng ta.

Quay trở lại vấn đề đã nói, giờ đây bạn có thể đã hiểu được vì sao các bậc cha mẹ, anh chị hay thầy cô giáo lại không hoàn toàn đồng ý với bạn về những giới hạn của tự do. Và cũng qua đó bạn có thể hiểu được vì sao mà cho đến nay giữa phương Tây và phương Đông, giữa nước này và nước khác... vẫn luôn có những tranh cãi khác biệt nhau về khái niệm tự do.

Những hiểu biết như thế là rất cần thiết để bạn thấy được tầm quan trọng của việc chấp nhận khép mình vào một khuôn thước nhất định. Bởi vì đó là phương cách hay nhất, có hiệu quả nhất để đảm bảo cho bạn có được một tương lai tươi sáng và hạnh phúc. Với những nền tảng tri thức và kinh nghiệm còn non nôùt ở ngưỡng cửa vào đời, bạn chưa thể có được một cái nhìn toàn diện về mọi khía cạnh của vấn

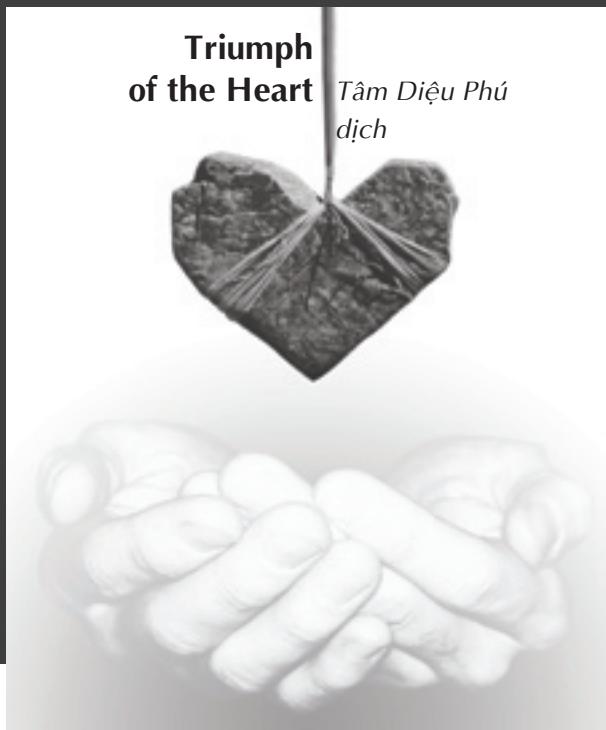
đề. Vì thế, cho dù rất mong muốn được tự do trong cuộc sống, bạn vẫn phải nhở nhận thức đầy đủ về những giới hạn của sự tự do, và nhờ đó mà có thể vui vẻ, tự nguyện khép mình vào một khuôn thước hợp lý để tự hoàn thiện bản thân mình.

Nhưng thế nào là một khuôn thước hợp lý? Đây chính là một cơ hội khác nữa để bạn thể hiện sự tự do chọn lựa của chính mình. Bạn có thể tự do chọn cho mình một quan điểm sống đúng đắn, luôn hướng đến sự hoàn thiện bản thân và biết tôn trọng những lời khuyên dạy của các bậc trưởng thượng. Khi hiểu và thực hiện được những điều này, chính là bạn đã tự nguyện khép mình vào một khuôn thước hợp lý. Giống như một con ngựa biết tuân theo sự điều khiển của dây cương sẽ không bao giờ đi sai đường, tương lai của bạn sẽ không thể đi vào tăm tối nếu bạn biết chọn cho mình một khuôn thước hợp lý như thế.

(hết)



Thành Tựu Cao Cả Của Trái Tim



Tình thương, bi mẫn và an lạc—các từ ngữ này nằm ở tận đáy lòng của những người tu tập. Mặc dù chúng ta rung cảm một cách trực tiếp trước ý nghĩa và giá trị của chúng, điều thách thức đối với phần lớn chúng ta là làm sao thể hiện được những gì mà mình thấu biết: Làm thế nào chuyển đổi những từ ngữ này thành ra một sự thực

tập sống động. Trong thời đại xung đột và bối rối này, đây không phải là một sự thực tập trừu tượng. Nền hòa bình của thế giới bắt đầu từ tâm tư an bình trong mỗi một chúng ta, và có nhiều cách thức khác nhau mà ta có thể biểu hiện những giá trị này qua những hành động khôn khéo trong cuộc sống. Những lời dạy này được căn

cứ trên các truyền thống Phật giáo Đông phương, nhưng đặc tính định rõ ranh giới của chúng thì không thuộc về Đông phương hay Tây phương, mà chính là một tâm nguyện thiết tha đối với chủ trương thực dụng và là một nghi vấn thật đơn giản: Có kết quả gì? Có tác dụng tháo gỡ tâm thức thoát khỏi phiền não ra sao? Có ảnh hưởng thế nào đối với việc làm phát khởi tâm bi mẫn? Có tác động gì trong việc làm ta thức tỉnh từ cơn mê vô minh?

Đường lối thực dụng này

cũng làm sáng tỏ một câu hỏi có từ ngàn xưa mà nó tiếp tục quấy rầy các truyền thống tôn giáo cũng như các truyền thống khác: Làm thế nào chúng ta vẫn có thể giữ vững các quan điểm khác xa nhau trong một khung cảnh chung sống hài hòa rộng lớn hơn, vượt ra ngoài thái độ bất hòa và thù nghịch? Lời đáp cho câu hỏi này có tầm quan trọng sống còn, nhất là trong tình trạng hiện nay, như chúng ta đã thấy là sự lan rộng nhanh mạnh của các truyền thống tôn giáo thường đi kèm với các cuộc va chạm bạo động.

Cầu Mong Cho Mọi Loài Đều Được Hạnh Phúc

Từ vựng tiếng Phạn, “maitrī,” và từ vựng tiếng Pāli, “mettā,” đều có nghĩa là “tâm từ” hay là “*sự quan tâm thương yêu*,” và nói đến một thái độ thân tình, thiện ý và khoan dung của trái tim. Khi trong ta tràn đầy tâm từ, ta có một ước mong thật tự nhiên: Mong sao cho mọi loài đều được hạnh phúc. Loại tình thương này có nhiều đặc tính ưu tú, khác hẳn với những kinh nghiệm yêu thương

thường tình có pha trộn lòng tham dục hoặc là dính mắc. Được phát sinh từ tâm lượng bao dung vô cùng rộng lớn, tâm từ là lòng quan hoài và tử tế mà nó không hề mong cầu lợi lộc cho riêng mình. Tâm từ không mong cầu sự đền đáp: “*Tôi sẽ thương bạn nếu như bạn thương tôi*,” hoặc là “*Tôi sẽ thương bạn nếu như bạn hành xử theo một lề thói cung cách nào đó*.” Do bởi tâm từ

không khi nào có dính líu tới bất cứ điều gì tai hại, tâm từ luôn phát khởi từ một trái tim thuần khiết trong sáng.

Một trong những khía cạnh độc đáo của tâm từ là nó không phân chia loài nào cả. Khi nào ta cảm nhận một tình thương bị trộn lộn với lòng tham dục, thì cảm xúc này chỉ luôn luôn dành cho một số người nào đó mà thôi. Ta có thể yêu thương và ham muốn một, hai hay ba người cùng một lúc, hoặc giả vài người theo từng đợt nối tiếp nhau. Nhưng có ai trong đời này lại thiết tha mong muốn hết thảy mọi loài?

Mặc khác, tâm từ có tính chất thật đỗi khác thường do vì nó có thể ôm trọn mọi loài; không loài nào vượt ra ngoài phạm vi của nó. Đó là

tại sao, khi ta gặp gỡ những người phát huy được khả năng này tới một mức độ cao thâm, lấy ví dụ là đức Đạt-lai Lạt-ma, ta cảm nhận được tấm lòng nhân từ bao la của họ hướng tới tất cả mọi người. Tâm từ là một loại cảm xúc mà nó gia hộ cho những người khác và cho chính mình với niềm ước mong tự nhiên, “*Được sống hạnh phúc.*” Thi sĩ người Nhật, Issa (1763-1828), đã diễn tả cảm xúc trải rộng cõi lòng này thật là tài tình: “*Dưới bóng mát của chùm hoa anh đào, không có ai là xa lạ cả.*”

Mặc dù không phải lúc nào ta cũng sống trong một trạng thái cảm xúc thương yêu kiên định, nhưng qua sự thực tập ta có thể tiếp xúc với nó nhiều lần trong một ngày.

Thực Tập Tâm Từ Đối Với Chính Mình

Một cách để phát triển tâm từ trong ta là thông qua sự thiền tập, ta bắt đầu bằng cách ban rải những cảm xúc thương yêu hướng về tự thân.

Thật là đơn giản: Trước tiên, hãy ngồi trong tư thế thoải

mái và duy trì một hình ảnh trong tâm hoặc cảm giác về chính bạn, lặp lại chậm chậm các cụm từ về tâm từ cho chính mình: *Mong sao cho tôi được hạnh phúc, mong sao cho tôi được an bình, mong sao cho tôi thoát khỏi khổ đau.* Hãy lặp đi lặp

lại nhiều lần những câu này hoặc là những nhóm từ tương tự. Ta làm điều này không như là một sự khẳng định quả quyết, mà như là một sự biểu lộ tác ý quan tâm chăm sóc. Khi bạn lặp lại những từ ngữ này, hãy chú tâm vào ý định tốt lành này; tác ý này dần dà nẩy nở thành ra một tâm lực hùng mạnh trong đời sống của bạn.

Mặc dù sự thực tập chẳng chút phức tạp, nó có thể cực kỳ khó khăn. Khi bạn chuyển sự chú ý của mình

hướng vào bên trong và gửi những niềm ước ao thương yêu cho chính mình, bạn có thể nhìn thấy một số lượng đáng kể về sự tự phán đoán lấy mình hoặc là những cảm nhận không xứng đáng của tự thân. Trong những lần như vậy, hãy tiếp tục một cách nhẹ nhàng từ ái như là nếu bạn đang ôm ấp một đứa bé. Một dòng thơ từ bài thơ của giới võ sĩ Nhật thời xưa đã diễn đạt khá hay phần thực tập này: “Tôi làm cho tâm tôi trở thành bạn tôi.”

Thực Tập Tâm Từ Đối Với Ân Nhân

Sau khi làm cho vững mạnh các cảm xúc tâm từ dành cho chính mình, ta gửi những niềm ước ao giống như vậy tới một ân nhân đã trợ giúp ta trong cuộc sống bằng phương cách nào đó. Đây có thể là cha, mẹ, thầy, cô hay ngay cả một người nào đó mà ta không quen biết, tuy vậy, cuộc đời của người này đã có một ảnh hưởng tích cực đối với đời sống của ta. Một người có khó khăn tiếp xúc với tâm từ đã nói rằng, chị ta mở rộng tâm từ dễ dàng nhất khi nhớ

nghĩ về con chó của chị—một loài động vật luôn ban cho chị một thứ tình thương mà không hề đặt vấn đề này nọ hoặc là thường hay hỏi lại gì cả. Những ân nhân có thể ở trong nhiều hình thái khác nhau.

Trong phần thực tập này, hãy giữ hình ảnh hoặc là cảm xúc về người đó trong tâm bạn, giống như là nếu bạn đang nói chuyện trực tiếp với họ, và kế tiếp hãy hướng tác ý tâm từ về người này: *Cầu mong cho được hạnh phúc, an bình, không*

còn khổ đau. Giai đoạn này thường dễ hơn là hướng tâm từ tối chính mình bởi vì ta thường có sẵn những tình

cảm quan tâm nồng thắm dành cho những người đã giúp đỡ ta.

Thực Tập Tâm Từ Hướng Về Mọi Người

Rồi thì ta tiếp tục thực tập hướng tới những hạng người khác. Ta gửi niềm chúc lành quý mến tới những người thân thiết; sau đó tới những người bình thường mà ta không có cảm xúc mạnh mẽ bằng cách này hay cách nọ; và kế tiếp tới “những người thù nghịch” hoặc là những người khó chịu. Cuối cùng, ta gửi tâm từ tới mọi người ở khắp mọi nơi, và lặp lại: *mong sao cho mọi người được hạnh phúc, mong sao cho mọi người được bình an, mong sao cho mọi người được thoát khổ*.

Thật là quan trọng để thực tập theo nhịp tiến của riêng mình. Có lẽ, một vài hạng người sẽ dễ dàng cho sự thực tập của bạn hơn so với những hạng người khác. Bất cứ khi nào bạn cảm thấy mình có khả năng phát khởi những cảm xúc quan tâm thương yêu chân thật đối với một người, thì bạn hãy tiếp tục

thực tập như vậy cho người kế tới.

Phần này có thể được thực tập một cách sâu sắc trong khung cảnh thanh lặng của một khóa thiền, trong công phu hành trì mỗi ngày ở nhà, hoặc đương lúc đi ngoài đường phố hay lái xe đi làm. Trong mọi trường hợp, đều bắt đầu có sự thay đổi trong mối tương giao giữa ta với người khác ở khắp mọi nơi.

Như là một cuộc thử nghiệm, lần tới khi bạn đi công chuyện lặt vặt, bị kẹt xe, hay đứng xếp hàng ở siêu thị, thay vì bận tâm lo nghĩ mình sẽ đi đâu hoặc cần làm gì, hãy rải tâm từ đến mọi người quanh đó trong thời gian này. Thường thường, có một sự biến chuyển tức thì và rất rõ rệt khi ta cảm thấy được nối kết chặt chẽ nhiều hơn với những người khác cũng như khi ta thường trực có mặt trong giây phút hiện tại.

Khi tôi mới bắt đầu thực tập

tâm từ, tôi có được một kinh nghiệm mà nó phơi bày tâm tôi thật nhiều, cũng như cách thức tôi liên hệ với những người khác. Tôi thực tập mở rộng tâm từ hướng tới một người bình thường—dù rằng tôi không mấy chắc “một người bình thường” nghĩa là gì. Thầy tôi, Anagarika Munindra (1914-2003), chỉ ngắn gọn bảo, hãy chọn một người gần bên mà mình không có nhiều cảm xúc bằng cách này hay cách kia.

Khi tôi còn ở Ấn Độ, và có một người làm vườn lớn tuổi trong một tu viện nho nhỏ nơi tôi trú ngụ. Tôi thấy ông mỗi ngày, tuy vậy, tôi chưa hề thật sự có cảm nghĩ nào về ông cả. Ông chỉ là người mà tôi nhận biết khi đi ngang qua. Thật là sững sốt khi nhận ra rằng, có bao nhiêu người như vậy ở xung quanh mình, những người mà tôi đã có những cảm thọ hoàn toàn trung tính. Tự chính điều đó đã là một sự khám phá có tính cách soi sáng rồi.

Vì vậy mà mỗi ngày trong nhiều tuần lễ, tôi đã bắt đầu hình dung ra ông già làm vườn này trong thời khóa thiền tập của tôi, lặp lại những cụm từ như là, “*Cầu mong cho ông được hạnh phúc, cầu mong cho ông được an nhiên, cầu mong cho ông được thanh thản.*” Một thời gian sau, tôi khởi sử cảm nhận được sự nồng ấm và quan tâm thật nhiều dành cho ông, và mỗi lần chúng tôi đi ngang qua nhau, trái tim tôi mở ra ngay. Đây là một bước ngoặt to lớn trong sự thực tập của tôi. Tôi hiểu ra rằng, tôi cảm nhận về một người nào đó ra sao là tùy thuộc vào tôi, và những cảm thọ của tôi không chủ yếu tùy thuộc vào người đó, vào cách hành xử của người đó, hay là vào tình thế đó. Người làm vườn vẫn y nguyên như vậy. Tuy nhiên, do vì một sự biến chuyển trong sự hiểu biết và thực tập của riêng tôi, trái tim tôi bắt đầu tràn đầy cảm thọ từ ái và quan hoài chân thật.

Điều Gì Dẫn Đến Sự Thành Tựu Lớn Của Trái Tim?

Có một bài học quan trọng ở đây về năng lực bền bỉ

của tâm từ. Do bởi tâm từ không tùy thuộc vào bất kỳ

phẩm chất đặc thù của người khác, loại tình thương này không chuyển đổi dễ dàng thành ra ác ý, giận hờn, hay bức dọc như thứ tình yêu thông thường có sự ham muốn hay dính mắc kèm theo. Tình thương vô điều kiện như vậy chỉ xuất phát từ tâm lượng bao dung của trái tim. Dù rằng ta có lẽ nhận ra được tính chất thanh tịnh và năng lực cảm xúc này, ta có lẽ e sợ hay nghĩ tưởng là loại tình thương này vượt quá khả năng của mình. Tuy nhiên, tâm từ không là một năng lực chỉ tìm thấy nơi đức Đạt-lai Lạt-ma hay mẹ Têrêsa hay ở một vài siêu nhân, thánh nhân nào đó. Câu hỏi được đặt ra cho chúng ta là, làm thế nào chúng ta thực tập tâm từ? Tất cả chúng ta có thể thực tập tâm từ và học cách thương yêu theo lối này. Cái gì làm cho tính chất hàm dung ôm trọn của tâm từ có thể thực hiện được?

Cách đây vài năm, tạp chí Harvard Medical Journal có đăng một bài báo về một bác sĩ Tây Tạng, tên là Tenzin Chodak, vị này từng là y sĩ chăm sóc riêng cho ngài Đạt-lai Lạt-ma. Vào năm 1959,

bác sĩ Chodak bị Trung Quốc tống giam. Suốt 17 năm đầu của khoảng thời gian 21 năm trong tù, ông bị đánh đập và tra khảo hằng ngày—cả về thể xác lẫn tâm hồn—và mạng sống ông không ngớt bị đe dọa. Thật dỗi ngạc nhiên, ông thoát khỏi tình trạng khủng khiếp này gần như là không có các dấu hiệu chấn động tâm thần sau thời kỳ chấn thương gì cả.

Bài báo cho biết bác sĩ Chodak đã phơi bày tinh túy trí tuệ giác mà ta cần hiểu như là bốn điều quán chiếu cốt yếu, mà chính chúng chẳng những đã giúp ông sống sót—người ta sống sót trong nhiều điều kiện khủng khiếp bằng nhiều cách—mà lại còn giúp ông thành tựu được tính chất cao thượng vĩ đại của trái tim. Cô ký giả Claude Levenson đã mô tả bác sĩ Chodak trong một bản tóm tắt tiểu sử về ông như sau: "*Hình như bạn chẳng hề chú ý tới bác sĩ Chodak khi ông đi ngang qua cho tới lúc bạn bắt gặp cái nhìn sâu thẳm của ông—một cái nhìn tràn đầy sự cảm nhận của một người từng thấy biết quá nhiều mọi thứ, cái nhìn vượt xa*

hơn sự khổ đau mà ông đã kinh nghiệm qua, vượt lên trên tội lỗi xấu xa và hành hạ ngược đai mà ông đã

chứng kiến, tuy nhiên, biểu lộ được tâm bi mẫn vô biên dành cho những con người đồng loại."

Bốn Điều Quán Chiếu Trong Những Giai Đoạn Đau Đớn Khốn Cùng:

Thứ nhất, ta phải nỗ lực để nhìn thấy mỗi một tình trạng trong một bối cảnh rộng lớn hơn. Giống như đức Đạt-lai Lạt-ma–ngài thường nói về kẻ thù sẽ chỉ dạy cho mình đức tính kiên nhẫn ra sao– bác sĩ Chodak xem kẻ thù như là vị thầy tâm linh của mình và dẫn dắt ông tới chỗ tột cùng của tâm bi mẫn và sáng suốt. Vì vậy cho nên, ông cảm thấy ngay cả trong những tình huống kinh khiep và tồi tệ nhất, phẩm chất cao thượng của trái tim có thể được thành tựu tới mức toàn vẹn. Lê đương nhiên, nghĩ ngợi về nó thì dễ; điều trở ngại thách thức chính là ta phải ghi nhớ và ứng dụng sự thấy biết này trong những giai đoạn khó khăn.

Thứ nhì, ta phải nhìn thấy kẻ thù hay người khó tính trong cuộc sống của ta cũng là những người giống như chính

ta vậy. Bác sĩ Chodak không bao giờ quên cái tình cảnh như nhau của thân phận con người. "Luật nghiệp báo" có nghĩa là mọi hành động của ta đều có hậu quả: *Những hành động trổ quả căn cứ trên những tác ý đằng sau chúng.* Người nào hành động ác nghiệp đối với ta thì thực sự cũng đang sống trong những nghịch cảnh, giống y như là ta vậy đó, vì họ đang tạo nghiệp bất thiện khiến họ sẽ phải chịu khổ trong tương lai.

Tuy thế, ta không nên nghĩ về nghiệp như là "*họ sẽ nhận lãnh hình phạt*," như là một loại phương tiện trả thù trong vũ trụ. Mà đúng ra là nhìn thấy được thân phận con người như nhau có thể giúp ta trở thành suối nguồn bi mẫn. Đức Đạt-lai Lạt-ma nói, "*Những kẻ thù của bạn có thể bất đồng ý kiến với*

bạn, có thể hâm hại bạn, nhưng trong một khía cạnh khác, họ vẫn là con người giống như bạn. Họ cũng có quyền không phải chịu khổ đau và tìm thấy hạnh phúc. Nếu tâm thấu cảm của bạn có thể trải rộng ra như vậy, thì đó chính là tâm bi chân chánh, không thiên vị." Hiểu biết nghiệp báo-mà ta sẽ gặt lấy quả báo từ những hành động của mình-như là một phương tiện vun bồi tâm bi thì đó mới chính là tuệ giác mà ta có thể bấy giờ mang vào đời sống mình. Hết thấy chúng ta cùng ở trong tình trạng như nhau là bị chi phối bởi quy luật nghiệp báo nhân quả.

Thứ ba, ta phải xả bỏ lòng kiêu hãnh và cảm giác quan trọng hóa bản thân mình. Những thái độ này, mà chúng rất dễ khởi lên trong những thời gian xung đột, sẽ trở thành những hạt giống chồng chất thêm khó khăn trở ngại. Điều này không có nghĩa là ta nên chấp nhận một lập trường khiêm cung giả tạo hay là xả thân quên mình. Đúng hơn là, ta buông bỏ khuynh hướng phóng đại thiên dệt mình, hoặc giữa cá

nhân với nhau hoặc trong vòng khuôn khổ tâm lý thầm kín trong ta. Một câu truyện cổ tích Trung Hoa đã sử dụng thiên nhiên để minh họa tính chất bảo hộ vĩ đại của đức tính khiêm cung thật sự: Nhà hiền triết Trang Tử đang tản bộ với một đệ tử trên đỉnh đồi. Họ thấy một cây cổ thụ cong vẹo mà không có nhành nào suôn thẳng cả. Người đệ tử nói cây này vô ích, nó không được dùng vào việc gì cả, và Trang Tử đáp lại, "Đó là lý do tại sao cây này là cổ thụ. Đường như ai cũng biết 'sự lợi ích của nó thật là có lợi biết bao.' Nhưng mà hình như không ai biết 'sự vô ích của nó thật là hữu ích biết bao."

Bác sĩ Chodak thực tình cho rằng ông ta sống sót được là nhờ khả năng buông bỏ sự quan trọng hóa bản thân mình và tự cho mình là đúng. Sự quán chiếu này mang lại một bài học thật đáng giá trên con đường phát triển tâm linh, một bài học mà nó sẽ trở tới trở lui với tất cả chúng ta.

Thứ tư, sự quán chiếu, mà nó đã nuôi dưỡng sự thành tựu lớn không ngờ được của trái

tim của bác sĩ Chodak, và là điều mà ta phải thực sự tự hiểu biết qua chính bản thân mình, đó là lấy oán trả oán thì oán thù không bao giờ chấm dứt; oán thù chỉ được kết thúc khi được đáp lại bằng tình thương. Nhiều truyền thống tâm linh nhìn nhận lẽ thật này. Trong những tình huống mâu thuẫn, tâm từ và tâm bi sẽ nẩy nở khi ta hiểu rõ chúng chính là động lực lợi lạc nhất cho phương lối ứng xử có hiệu quả.

Có thể nào ta duy trì được những cái nhìn này ngay cả trong những hoàn cảnh ít nguy ngập gay go? Khi

người nào đó giận dữ đối với bạn, hay là bạn ở trong vài tình thế khó khăn, hãy nhớ rằng chính sự khó khăn trắc trở này làm cho lòng nhẫn nhục và tình thương trong bạn vững mạnh thêm. Trong những hoàn cảnh này, ta có thể tự thầm vấn lấy mình, là ta sẽ thành tựu tính chất cao thượng vĩ đại của trái tim mình ra sao, hãy nhắc nhở mình rằng mọi người cùng chung chia sẻ mối nối kết nhân loại, hãy buông bỏ niềm kiêu hãnh, và hiểu rằng, cuối cùng rồi nỗi oán hận và thù hằn sẽ chỉ ngừng dứt bằng tình thương mà thôi.

(hết)



Được trích từ quyển “A Heart Full of Peace” (Trái Tim An Lạc) của thiền sư Joseph Goldstein và được đăng trong tập san tam nguyệt “Tricycle” (Spring 2008)

Nguyễn Duy Nhiên

Bước Vào Sự Thịnh Lặng



trống nổi lên, ông bước ra sân cầm cung lên và làm những động tác chuẩn bị rất chi tiết. Mọi người hồi hộp ngồi yên! Ông đứng giữa sân rộng và phía xa là một tấm bia lớn. Một lúc sau, dường như rất lâu, ông giương cung lên nhắm về hướng tấm bia. Cả không gian như nín thở chờ đợi. Vị thiền sư bỗng hướng cung lên bầu trời cao và bắn đi, mũi tên rời dây cung bay cao vào một bầu trời xanh trong vắt. Ông cúi chào mọi người, và buổi lễ chấm dứt. Không ai hiểu ý của vị thiền sư là gì, và ông cũng không nói một lời nào!

Có lần tôi
được nghe kể một câu chuyện. Có một vị thiền sư người Nhật, một hôm gửi thư mời những thân hữu và các thiền sinh đến để xem ông biểu diễn phương pháp thiền bắn cung (zen archery).

Hôm ấy là một ngày thật đẹp, ông tổ chức một buổi lễ bắn cung ngoài trời. Ông mặc lẽ phục của người bắn cung rất trịnh trọng, chuông

Tại sao vị thiền sư không nhắm mũi tên về hướng tấm bia mà lại bắn lên bầu trời? Có lẽ ý của ông muốn nói rằng, trên con đường tu học, trong thiền, mục tiêu của ta có mặt khắp mọi nơi, chứ không phải chỉ ở một nơi! The target is everywhere! Có lẽ ông muốn nhắc nhở chúng ta rằng mục tiêu mà ta đang

nhắm tới, thật ra chúng đang có mặt ngay trong giây phút này và ở đây, chứ không thể là một nơi nào khác. Và nếu như ta đang đi tìm một hạnh phúc thì có lẽ cũng vậy, hạnh phúc ấy chỉ có thể có mặt ở nơi nào ta có mặt mà thôi!

Mấy ngày nay trời trở lạnh. Những ngày mưa ướt át làm ta cảm thấy không gian như lạnh lẽo hơn. Tối qua trời có gió thật lớn, tôi nghe tiếng gió ào ào từng đợt bên ngoài đập mạnh vào cửa sổ. Sáng

bước ra ngoài, sân nhà đêm trước phủ đầy lá, bây giờ sa-ch không! Thùng thơ trước nhà bị gió thổi mở tung. Khu rừng nhỏ sáng nay đã trui hết lá. Bây giờ là vào cuối năm, mọi người bên này đang rộn rịp mua sắm cho ngày lễ sắp tới. Những ngày này, riêng tôi lại ít bận rộn và thật sự có thì giờ cho mình nhiều hơn. Giữa những vội vã chung quanh mình, khi ngồi yên lại tôi càng thấy được yên lặng hơn.

BƯỚC VÀO SỰ THỊNH LẶNG

Vào những ngày lễ như thế này tôi thỉnh thoảng cũng nhận được *những file slide show* được tạo và mở bằng *Power point*, có nội dung về những mẫu truyện hay, những tình cảm cao thượng, và kèm theo những hình ảnh đẹp là những bài nhạc hay. Tôi nghĩ *những slide show* này có thể nâng cao tâm hồn ta, giúp ta dừng lại và suy nghĩ, tiếp xúc với một cái gì đó hay và đẹp. Nhưng bạn biết không, có đôi lúc tôi cảm thấy *những slide show* ấy dường như vẫn

còn thiếu sót một cái gì đó! Nhất là khi tôi biết người gửi cho tôi vẫn còn mang nhiều phiền muộn và có nhiều khó khăn. Tôi biết cũng vì cảm nhận được cái hay và đẹp nên họ mới chia sẻ với người khác! Nhưng tôi nghĩ, ta có thể nhìn những buổi hoàng hôn thật đẹp và huy hoàng biết bao lần, nhưng có bao giờ ta thật sự hiểu được ý nghĩa của vô thường? Ta có thể nhiều lần ngồi nghe những nốt nhạc *moonlight sonata* thong thả rơi, nhưng mình có thật sự thấy được sự kỳ

diệu của một không gian đầy trăng không bạn nhỉ? Mỗi lần tôi nhận được những *slide show* ấy, tôi vẫn tự hỏi chúng ta đều biết hết cả rồi, nhưng sao khổ đau trong ta vẫn không có chút gì thay đổi? Dường như những hình ảnh ấy tuy hay đẹp, nhưng vẫn còn có một khoảng trống vắng nào đó!

Mà bạn cũng đừng hiểu lầm tôi! Tôi cũng thích những *slide show*, những câu truyện về tình thương, về cuộc sống, về ý hay tình đẹp. Nhưng tôi nghĩ, nếu như trong ta chưa thật sự có một sự thinh lặng để lắng nghe, thì những hình ảnh ấy không chắc sẽ có thể thay đổi hay để lại được gì trong ta.

Gần đây tôi có xem một cuốn phim với tựa đề "*Into the Great Silence*." Đây là một cuốn phim tài liệu (*documentary*) về đời sống trong tu viện cổ *Grande Chartreuse* trên vùng núi *Alps* ở Pháp. Cuốn phim quay lại những sinh hoạt hằng ngày trong thinh lặng của các tu sĩ thuộc dòng tu kín *Carthusian*. Người đạo diễn đã phải sống trong tu viện nửa năm, và chỉ quay phim bằng ánh sáng của

thiên nhiên. Và để tránh ảnh hưởng đến đời sống thinh lặng của các tu sĩ, người đạo diễn không được phép tiếp xúc, phỏng vấn bất cứ ai trong tu viện, và cũng không được mang theo người nào khác trong đoàn làm phim.

Lẽ dĩ nhiên là sự thinh lặng không phải hoàn toàn tuyệt đối, cũng có lúc các vị tu sĩ nói chuyện và phát biểu, như trong các buổi lễ, khi làm việc, hay mỗi cuối tuần khi được đi dạo bên ngoài. Nhưng tinh yếu của sự thực tập vẫn đặt trên nền tảng của sự thinh lặng. Phim mở đầu bằng một cảnh mùa đông, khi cả *vùng núi Alps* và tu viện phủ tuyết trắng xóa, vạn vật như đông đá. Giữa khung cảnh thinh lặng, ngồi trong tu viện nhìn ra khung cửa sổ, ta dường như có thể nghe được âm thanh của từng bông tuyết rơi. Trong thinh lặng ta có thể cảm nhận được thật sâu sắc những vật tầm thường chung quanh mình. Thời gian từ tốn xoay không gian, tiếng cây lá chuyển mùa, những giọt nước đá tan trên cỏ, những áng mây bay ngang qua, bầu trời khuya vụn vỡ ngàn sao...

So với cuốn phim ấy thì cuộc sống hằng ngày của chúng ta là một thế giới khác. Những rộn rịp chung quanh khiến ta không có thì giờ để ngồi yên, để thật sự tiếp xúc được với những gì đang có mặt. Trên con đường đi, bạn có bao giờ nghe được tiếng của một chiếc lá rơi, hay một đêm khuya bước qua cửa chợt đứng yên nhìn sân cỏ trước nhà ngập ánh trăng... Sống trong xã hội này chúng ta không có thì giờ để sống với thịnh lặng đâu bạn, mà tôi nghĩ dấu có muốn đi chăng nữa cũng không phải là chuyện dễ. Tôi được nghe một người quen kể rằng có lần anh đi ăn trưa với một người bạn. Anh chọn một quán ăn nhỏ vắng người, để hai người có dịp nói chuyện. Trong tiệm ít khách, chỉ có những âm thanh hồn tạp bình thường của tiếng chén dĩa trong nhà bếp, tiếng máy tính tiền, vài người khách nói chuyện ở dãy bàn bên kia, tiếng nhạc nhẹ...

Bất chợt điện bị cúp, tất cả không gian dường như dừng hẳn lại, căn phòng đột nhiên trở nên im phăng phắc một cách lạ kỳ... *it's deafening!* Và trong giây phút ấy ta cũng dừng hẳn lại, cảm nhận được sự ồn ào của chính mình. Trong sự yên lặng dường như chúng ta có thể nghe được cả cảm nghĩ của nhau.

Có một đoạn trong cuốn phim, trong một ngày cuối tuần đi ra ngoài, lúc ngồi nói chuyện với nhau bàn về một vài nghi thức trong buổi lễ ban sáng, một vị tu sĩ phát biểu, "*Những biểu tượng không phải để ta tìm hiểu, mà chính ta mới là điều cần được tìm hiểu.*" Các tu sĩ ấy không hề đặt câu hỏi về sự thịnh lặng, mà chính sự thịnh lặng đã đặt câu hỏi về họ. Trong nhà thiền cũng vậy, thịnh lặng là bước đầu của một sự lắng nghe sâu sắc. Và khi ta có một sự thịnh lặng, tôi nghĩ ta sẽ tiếp xúc được với những yếu tố mầu nhiệm chung quanh.

MẦU NHIỆM VÌ KHÔNG MONG CẦU

Nhưng mầu nhiệm không có nghĩa là sự việc sẽ

xảy ra theo ý mình muốn. Có thể đối với ta thì trời

xanh mây trắng mới là mầu nhiệm, nhưng đối với người khác có thể trong cuộc đời họ đang cần một ngày mưa. Một buổi sáng bước ra ngoài dưới nắng ấm, thân ta vui khỏe, hoặc một chiều bước chân ở sở về, ta có đủ mọi thứ lo lắng, công việc không biết kết quả ra sao. Cả hai giây phút ấy có thật sự là nhiệm mầu như nhau không bạn nhỉ? Tôi nhớ có một vị thiền sư thường ca ngợi giây phút hiện tại nhiệm mầu, và có một thiền sinh phát biểu rằng, trong giây phút này anh ta đang gặp những vấn đề khó khăn và có nhiều đau đớn, đời sống đâu có gì là nhiệm mầu? Vì thiền sư đáp, tuy cuộc sống có những lúc khó khăn, không dễ chịu, nhưng nó vẫn là nhiệm mầu.

It's not pleasant, but it's still wonderful! Nó nhiệm mầu là vì ta vẫn có điều kiện để thực tập chuyển hóa những khó khăn của mình, điều phục cơn giận mình, để thấy được sự có mặt của tình thương, và những niềm tin chung quanh ta. Và tất cả những điều ấy chỉ có thể xảy ra trong giây phút này mà thôi!

Trong nhà thiền thường ví dụ

chúng ta như là những đợt sóng mà cứ mãi bôn ba đi tìm nước. Chúng ta chỉ cần dừng lại và dừng tìm kiếm nữa, để tự nhiên thôi, thì nước sẽ biểu hiện. Ta chỉ tạo điều kiện cho sóng trở về để thấy nó cũng là nước. Nếu ta tìm kiếm, có lẽ ta sẽ không bao giờ thấy được giây phút này là nhiệm mầu. Có những đêm bạn bước ra ngoài nhìn lên một bầu trời khuya đầy sao. Đôi khi muốn thấy được một ngôi sao thật mờ ta phải nhìn nhích sang một bên, còn nếu như ta cố ý chăm chú nhìn vào nơi đó ta sẽ không thể nào thấy nó được. Tôi nghĩ hạnh phúc cũng vậy, nó xảy ra vì ta không tìm kiếm, mà chỉ cần nuôi dưỡng những điều kiện cho hạnh phúc có mặt thôi.

Bạn biết không, tôi nghĩ là nếu ta muốn có hạnh phúc thì ta hãy thực tập tạo dựng cho những điều kiện của hạnh phúc có mặt. Ngay trong giây phút này và ở đây. Việc gì cũng vậy, chúng sẽ tự nhiên xảy ra khi điều kiện đầy đủ. Mà điều kiện của hạnh phúc là gì? Tôi nghĩ là *sự thịnh lặng và thanh thoái* trong ta. Khi trong ta có

những yếu tố của sự an ổn và thảnh thoái thì hạnh phúc sẽ có mặt, tự nhiên thôi, cho dù hoàn cảnh chung quanh có

là dễ chịu hay không! Nó chỉ cần một không gian rộng mở và một thời gian không vội vã.

MŨI TÊN TRONG BẦU TRỜI

Như vị thiền sư bắn cung, chúng ta đâu phải có một mục tiêu nào là duy nhất. Sự thực tập hạnh phúc của ta là ở khắp nơi, vì nơi nào mà sự sống lại không có mặt phải không bạn? Trong một khóa tu tôi được học một bài kệ nuôi dưỡng hạnh phúc, và tôi vẫn thường tập thầm niệm nó vào mỗi buổi sáng, trưa, chiều, tối, trong những ngày bên ngoài nhiều mưa gió hoặc vào những hôm trời đầy nắng ấm.

Mong cho trong tôi không có sự thù nghịch nào

Mong cho tâm tôi được an vui và hạnh phúc

Mong cho thân tôi được an ổn và nhẹ nhàng

Mong cho tôi được thảnh thoái

Nhưng bạn cũng đừng nghĩ đó là một sự mong cầu nào hết! Thật ra nó chỉ nhắc nhở cho tâm ý tôi trở về lại với những gì hay đẹp đang có mặt sẵn trong ta, và rồi hạnh phúc sẽ chỉ là những biểu hiện tự nhiên mà thôi. Bài kệ ấy giúp tôi thực tập nuôi dưỡng những điều kiện cho sự có mặt của một hạnh phúc chân thật. Mỗi niệm như một mũi tên bay vào bầu trời cao rộng thênh thang. Bạn biết không, hạnh phúc và khổ đau bao giờ cũng bắt đầu bằng một ý niệm, và tôi luôn chọn cho mình những ý niệm của hạnh phúc.

(hết)





Chùa
TÂY THIÊN
nơi xuất hiện
chín bậc cao Tăng
kỳ vĩ

Tâm Quang

(tiếp theo)

III. VÀI NÉT TIỂU SỬ VỀ HÒA THƯỢNG THANH NINH TÂM TỊNH ⁽¹⁾

1 Thân thế

Hòa thượng thế danh là Hồ Hữu VĨNH,

Sinh giữa giờ Tý, ngày 18 tháng 5 năm Mậu Thìn (0 giờ ngày 07.7.1868), tại làng Trung Kiên, tổng Bích La, phủ Đăng Xương, ⁽²⁾ huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị (nay

là thôn Trung Kiên, xã Triệu Thượng, huyện Triệu Phong). Hòa thượng là người cùng làng với quý Hòa thượng: Tánh Thiên Nhất Định (1784-1847), Tổ khai sơn An

Dưỡng am -Tử Hiếu, Thanh Tú Tuệ Pháp (1871-1927) trú trì chùa Thiên Hưng, Thanh Đức Tâm Khoan (1874-1937), trú trì chùa Hàm Long Bảo Quốc, Huế...

Hòa thượng thác sinh trong một gia đình mà song thân đều thành tâm quy ngưỡng Phật pháp. Cho nên, từ thuở

Ấu thơ và cả thời niên thiếu, Hòa thượng thường theo song thân lên chùa dâng hương lễ Phật. Nhờ cơ duyên ấy nên Hòa thượng sớm thấm nhuần cuộc sống trang nghiêm, thanh tịnh của chốn Thiền môn. Từ ấy, con đường nhập đạo như đang mở rộng trước tầm mắt của người thiếu niên.

2 Xuất gia và học đạo

Năm 12 tuổi, Canh Thìn, 1880, Hòa thượng tỏ bày chí nguyện xin được xuất gia, song thân không chỉ vui lòng chấp thuận mà còn hết lời khuyến khích. Hòa thượng liền lên đường vô Kinh đô Huế, đến chùa Hàm Long Bảo Quốc, xin đầu sư với Hòa thượng Hải Thuận Diệu Giác (trong các sử liệu có nhiều nơi ghi pháp tự của Ngài là Lương Duyên (1806-1896) ⁽³⁾).

Năm 19 tuổi, Đinh Hợi, 1887, Hòa thượng đồng đàn thọ Sa-di giới tại giới đàn chùa Bảo Quốc, được Bổn sư đặt pháp danh là THANH NINH, pháp tự là HỮU VĨNH, thể nhập đời thứ 41 dòng Thiền Lâm tế Chánh

tông, Trung Hoa, đời thứ 7, dòng Thiền Thiệt Diệu Liễu Quán, Việt Nam.

Sau khi thọ Sa-di giới, Hòa thượng càng nỗ lực trau giồi giới hạnh và chăm chỉ học tập. Suốt bảy năm dưới sự giáo dưỡng tận tình của Bổn sư, Hòa thượng càng tỏ rõ là một vị Sa-di xuất sắc, học hạnh kiêm toàn, giới luật tinh nghiêm.

Năm 26 tuổi, Giáp Ngọ, 1894, Hòa thượng được đăng đàn thọ tỳ-kheo Bồ-tát giới, cũng tại giới đàn chùa Hàm Long Bảo Quốc. Đại giới đàn này, Bổn sư của Hòa thượng làm Đàm đầu, Hòa thượng Hải Thiệu Cương Kỹ (1810-1899), trú trì chùa Từ Hiếu, làm Yết-ma, Hòa thượng Hải

Toàn Linh Cơ (1823-1896)
trú trì chùa Tường Vân, làm
Giáo thọ.

Sau khi thọ Đại giới, Ngài
được Bổn sư ban pháp hiệu
là TÂM TỊNH và phú kệ dắc
pháp:

河清寧密四方安
有永心心道即閑
心似菩提開慧日
包含世界如是觀。

Âm:

Hà Thanh Ninh mật tứ
phương an

Hữu Vĩnh tâm tâm đạo túc

nhàn

Tâm tự Bồ-đề khai tuệ nhật

Bao hàm thế giới như thị
quán.

Nghĩa:

Sông trong yên lặng bốn
phương an,

Vĩnh viễn tâm tâm đạo ấy
nhàn,

Tâm tự Bồ-đề soi tuệ nhật,

Một bầu thế giới chứa muôn
vạn.

(Nguyễn Lê Châu, dịch)

3 Sự nghiệp hoằng hóa

Năm 27 tuổi, Ất Mùi, 1895, Hòa thượng vâng lệnh Bổn sư lên chùa Từ Hiếu để hầu hạ và tiếp tục tham học với Hòa thượng Yết-ma Hải Thiệu Cương Kỹ.

Lúc Hòa thượng lên chùa Từ Hiếu thì chùa đang bắt đầu công cuộc đại trùng tu, nên Ngài Yết-ma Hải Thiệu liền giao cho Hòa thượng nhiệm vụ trông coi công việc trùng tu chùa.

Đến ngày mồng 01 tháng 3 năm Mậu Tuất, 1898, Ngài

Yết-ma Hải Thiệu viên tịch, Hòa thượng được môn đồ cung thỉnh kế tục trú trì. Trong thời gian 4 năm làm trú trì, Hòa thượng không ngừng tiếp tục sửa sang chùa Từ Hiếu ngày thêm xán lạn, xứng đáng là một Tòng lâm danh tiếng ở đất Thัnn kinh.

Ngày 15 tháng 2 năm Kỷ Hợi, 1899, Hòa thượng tổ chức “Pháp nghi Liên trì xã” và cung thỉnh chư vị tôn túc trong Sơn môn cùng hàng trăm cư sĩ các giới về tham dự. “Pháp nghi Liên trì xã” ra

đời đã mở đầu cho sự nghiệp hoằng hóa của Hòa thượng, và cũng muốn mở rộng con đường hoằng hóa, nên đến đầu năm Nhâm Dần, 1902, Hòa thượng giao nhiệm vụ trú trì lại cho pháp đệ Thanh Thái Tuệ Minh (1861-1939), rồi cùng vài đệ tử vân du về ấp Thuận Hòa, làng Dương Xuân hạ, huyện Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên (nay là thôn Thượng Một, xã Thủy Xuân, thành phố Huế) cắm tích trượng, dựng thảo am đặt tên là Thiếu Lâm trượng thất để làm nơi ẩn náu tu hành.

Tại thảo am này, ngoài việc chăm nom giáo dưỡng cho các đệ tử, Hòa thượng còn chuyên tâm nghiên cứu về Thiền học, Giới luật và tham khảo rộng rãi về Tịnh độ tông.

Thâm nhập sâu sắc Thiền ý của Tổ Bách Trưởng Hoài Hải (720-814) nên hằng ngày Hòa thượng thường nhắc nhở các đệ tử rằng:

栽竹栽梅消舊日
種瓜種豆度新朝

Âm:

Tài trúc tài mai tiêu cựu nhật

Chủng qua, chủng đậu độ tân triêu.

Nghĩa:

Chăm bón trúc mai qua ngày tháng,

Trồng dưa, trồng đậu độ người sau.

Ngoài ra, ngài có cảm tác một bài thơ thất ngôn tứ tuyệt, rất được chư tôn đức tâm đắc. Nội dung như sau:

少林深隱月三更
靜聽松風弄古爭
一曲吟成無限句
良田萬頃任君耕。

Âm:

Thiếu Lâm thâm ẩn nguyệt tam canh

Tĩnh thính tùng phong lộng cổ tranh

Nhất khúc ngâm thành vô hạn cú

Lương điền vạn khoảnh nhậm quân canh.

Nghĩa:

Thiếu Lâm thâm ẩn nguyệt ba canh

Lắng nghe gió thoảng dưới cổ tùng

Một khúc ngâm thành câu vô

tận

Ruộng vườn ngàn khoảnh
mặc sức canh.

(Bản này trích trong "Tiểu
sử ngài Tâm Tịnh")

Hòa thượng là vị Thiền sư uyên thâm tư tưởng Thiền và Tịnh độ tông, ngài lại muốn phát triển rộng rãi tông chỉ "Thiền Tịnh song tu", nên vào mùa Đông năm Giáp Thìn, 1904, Hòa thượng cho xây dựng thêm một Thiền thất nằm phía hữu của thảo am, rồi đổi tên thành Thiếu Lâm tự.

Năm Canh Tuất, 1910, Hòa thượng được Sơn môn Tăng già cung thỉnh làm Đệ nhất Tôn chứng tại giới đàn chùa Phước Lâm, thị xã Hội An, tỉnh Quảng Nam. Đại giới đàn này, Hòa thượng Ân Bổn Vĩnh Gia (1840-1918) làm Đàn đầu, Hòa thượng Thanh Minh Tâm Truyền (1832-1911) làm Giáo thọ và Hòa thượng Hoàng Phú làm Yết-ma. Phần nhiều các giới tử trong giới đàn này về sau đều trở thành những bậc long tượng lừng lẫy trong sơn môn, như quý Hòa thượng Trừng Thông Tịnh Khiết (1891-1973) Đệ nhất Tăng

Thống GHPGVNTN, Hòa thượng Trừng Thủy Giác Nhiên (1878-1979) Đệ nhị Tăng Thống GHPGVNTN, Hòa thượng Trừng Thành Giác Tiên (1880-1936) một bậc Cao tăng vô cùng lỗi lạc và là một vị Tăng già tiên phong, nỗ lực hết mình trong công cuộc chấn hưng Phật giáo tại miền Trung v.v...

Năm Tân Hợi, 1911, Hòa thượng có chỉ chuẩn của vua Duy Tân (1907-1916) về Trú trì quốc tự Diệu Đế, Huế.

Đến ngày 10 tháng 3 năm Mậu Ngọ (10.4.1918), Ngài Tăng cang quốc tự Diệu Đế viên tịch. Bộ Lễ lại có phiến táu, vua Khải Định (1916-1925) đã chuẩn táu Hòa thượng kế tục giữ chức Tăng cang quốc tự Diệu Đế, từ đầu năm Kỷ Mùi, 1919 cho đến năm Bính Dần, 1926 thì Hòa thượng Thanh Tú Tuệ Pháp (1871-1927) lên thay.

Vào ngày 15.6 năm Giáp Tý (16.7.1924), vua Khải Định có sắc chỉ mở giới đàn tại chùa Từ Hiếu và cung thỉnh Hòa thượng làm Đàn đầu, Hòa thượng Thanh Trí Tuệ Giác, trú trì chùa Quảng Tế làm Yết-ma, Hòa thượng

Thanh Tú Tuệ Pháp, trú trì chùa Thiên Hưng làm Giáo thợ. Quý Hòa thượng Trừng Thành Giác Tiên, Trừng Thủỷ Giác Nhiên, Trừng Hương Tịnh Hạnh và Trừng Thông Tịnh Khiết làm Kiến đàn.

Đây là một giới đàn được tổ chức rất qui mô tại kinh đô Huế, sau 33 năm kể từ giới đàn được khai giới vào ngày 19.4 năm Giáp Ngọ, niên hiệu Thành Thái thứ 6, 1894 do Hòa thượng Hải Thuận Diệu Giác (Bổn sư của Hòa thượng) làm Đàn đầu.

Giới đàn này vân tập hơn 400 giới tử xuất gia và đông đảo giới tử tại gia. Các giới tử xuất thân từ giới đàn này về sau là những bậc Tăng già lỗi lạc trong Thiền môn như Hòa thượng Tâm Ún Viên Quang (1894-1977) (thường tôn xưng là Ôn Vĩnh Thừa) khai sơn chùa Châu Lâm, Huế, Thượng tọa Tâm Địa Mật Khế (1904-1935) một vị Giáo thợ sư tài năng và đức độ tại các Đạo tràng Phật học ở Huế, Hòa thượng Trừng Nguyên Đôn Hậu (1905-1992), gần 50 năm trú trì chùa Linh Mụ, Đề tam Tăng Thống GHP-GVNTN, Tỳ-kheo ni Trừng

Ninh Diệu Hương (1884-1971), vị Ni trưởng có công đầu trong việc thành lập và lãnh đạo xuất sắc Ni bộ Bắc tông Thừa Thiên- Huế...

Có thể nói, đây là một giới đàn đã để lại nhiều ấn tượng sâu sắc trong tâm trí nhiều thế hệ Tăng Ni, Phật tử suốt cả dải đất miền Trung trong nhiều thập kỷ qua.

Năm Ất Sửu, 1925, Sơn môn Tăng già cung thỉnh Hòa thượng chứng minh Lễ trùng san Pháp Bảo Đàn kinh do nhị vị Hòa thượng Trừng Thành Giác Tiên, Trừng Hương Tịnh Hạnh (bào huynh của Hòa thượng Trừng Thông Tịnh Khiết) trú trì chùa Tường Vân tăng bổ. Đại sư Trừng Thông Viên Thành, khai sơn chùa Tra Am đề bat. Đây là khắc bản Pháp Bảo Đàn kinh đầu tiên tại kinh đô Huế. (Bản khắc này hiện không rõ tàng trữ tại chùa nào hay đã thất lạc!)

Hòa thượng không chỉ uyên thâm tư tưởng Thiền và Tịnh độ tông, mà ngài còn tinh thông cả lễ nhạc Phật giáo và lễ nhạc cung đình. Độ thẩm định âm nhạc của Hòa

thượng rất tinh tường, các nhà nghiên cứu âm nhạc cả hai lãnh vực này đều hết lời khâm phục.

Hòa thượng cũng là vị cao tăng có sáng kiến “chế tác” ra chiếc áo “nhật bình” để thay thế cho chiếc áo “tràng xiêng” mà chư Tăng thời bấy giờ và ngày nay thường mặc. Sáng kiến này đã được chư vị tôn túc trong Sơn môn thời bấy giờ công nhận và vô cùng khen ngợi.

Suốt 34 năm - từ năm Giáp Ngọ, 1894 đến năm Mậu Thìn, 1928 - kể từ lúc Hòa thượng thọ Đại giới cho

đến khi ngài viên tịch. Hòa thượng đã thu nhận và giáo dưỡng cho 94 (chín mươi bốn) (4) vị đệ tử xuất gia và hơn 500 đệ tử tại gia. Trong số 94 vị đệ tử xuất gia, thì có đến Chín vị Cao đệ. Chín vị Cao đệ này, đều có pháp hiệu là chữ “GIÁC”. Do đó, từ nhiều thập kỷ qua, Tăng Ni và Phật tử Thừa Thiên-Huế thường tôn xưng quý Ngài là “Cửu Giác Hòa thượng”.

Có thể thấy, chỉ riêng việc giáo dưỡng và đào tạo nên tân trào “Cửu Giác” cũng đã chói sáng cả sự nghiệp hoằng hóa vô cùng lớn lao của Ngài.

4 Năm tháng cuối đời

Những năm tháng cuối đời, mặc dầu pháp thể khiếm an, nhưng lúc nào Hòa thượng cũng ân cần lo lắng đến việc giáo dưỡng chúng Tăng. Từ tâm và sự lo lắng của Hòa thượng không chỉ làm xúc động các đệ tử cận kề, mà còn lan tỏa khắp chốn Thiền môn.

Đầu mùa Xuân năm Mậu Thìn, 1928 bệnh tình ngài nhiễm nặng, chư vị đệ tử đã

tận tình chăm sóc, nhưng vào giờ Thìn, ngày mồng 6 tháng 3 (từ 7 giờ đến 9 giờ sáng ngày 25.4.1928), ngài an nhiên xả bỏ báo thân. Thọ 60 tuổi, 33 hạ lạp.

Khi ngài thị tịch, chư vị tôn túc trong Sơn môn đều vô cùng thương tiếc, không ngớt lời xung tán từ tâm và đức độ cao cả của Ngài.

Đại sư Viên Thành cũng cũng là pháp hữu tương đắc

của Hòa thượng, đã tả lời vô cùng thống thiết:

*Chốn Song lâm mây ẩn
bóng Ưu đàm, dứt nổi tiếng
chuông, dép cỏ đi về còn
tưởng tượng.*

*Miền Thiếu thất trăng lồng
gương Bát nhã, mênh mông
bể học, thuyền từ che chở
biết nhờ ai !.*

(Câu này Đại sư soạn bằng văn Nôm)

Đại sư còn soạn thêm câu đối bằng Hán văn, hiện được khắc ở hai trụ nơi bảo tháp của Hòa thượng, có nội dung thâm sâu, trác việt:

四十一代臨濟振禪風陶鑄
功深誰是當頭喝棒

五十九年閻浮垂化蹟智悲
願滿而今撒手還家。

Âm:

Tứ thập nhất đại Lâm tế chấn
Thiền phong đào chú công
thâm thùy thị đương đầu hát
bổng.

Ngũ thập cửu niêm Diêm phù
thùy hóa tích trí bi nguyện
mân nhi kim tát thủ hoàn
gia.

Nghĩa:

Lâm tế đời bốn mươi mốt
chấn chỉnh Thiên phong
nung đúc công sâu còn ai
trao truyền đánh hé.

Diêm phù thọ năm mươi
chín rủ lòng giáo huấn trí bi
nguyện đủ chù dây buông
thống về nhà.

(*Nguyễn Hạnh*, dịch)

Bốn mươi mốt đời Lâm tế
dựng Thiên phong rèn luyện
công cao còn biết nhờ ai
đánh la vào mặt.

Năm mươi chín năm Diêm
phù vang giáo hóa trí bi trọn
vẹn nay đành buông tay tiêu
sái về nhà.

(*Nguyễn Văn Thoa*, dịch)

(Trích từ Tra Am và
sư Viên Thành)



Hòa thượng là vị Cao tăng uyên thâm giáo pháp, đức hạnh cao siêu, tánh tình hồn nhiên, phóng khoáng, không câu chấp tiểu tiết, nên chư tôn đức khấp chốn Thiền

môn đều hết lòng kính nể. Ngoài ra Ngài còn nghiệp hóa được tất cả mọi người, mọi giới. Từ vua quan cho đến dân chúng, không ai là không ngưỡng vọng đạo phong thanh thoát, từ tâm quảng bác của Ngài.

Sự nghiệp Ngài lưu lại cho hậu thế là tấm gương vô cùng sáng chói cho các thế hệ Tăng Ni, Phật tử hôm nay và ngày mai soi rọi để trưởng dưỡng thân tâm.

Cao quý thay!

Hạnh nguyện cao cả của một vị Bổn sư đã tận tụy suốt đời để nuôi dưỡng và đào tạo nên Chín bậc Cao Tăng kỳ vĩ, là những bậc long tượng Tăng già đã làm nên một giai đoạn lịch sử vẻ vang và hưng thịnh bậc nhất cho nền Phật giáo Việt Nam hiện đại.



Sau khi Hòa thượng viên tịch, môn đồ cung thỉnh Hòa thượng Trừng Văn Giác Nguyên, trưởng tử của ngài kế tục trú trì. Đến năm Canh Thân, 1980, Hòa thượng Giác Nguyên viên tịch. Theo Thiền phổ của môn phái chùa Tây Thiên, hiện tiền còn có Hòa thượng Tâm Khai Trí Án Nhật Liên, đệ tử của Hòa thượng Giác Nguyên, kế thế trú trì. Tuy nhiên, vì tuổi cao, nên Hòa thượng ít có thời gian về thường trú tại chùa. Mọi Phật sự ở chùa đều giao cho Thượng tọa Giám tự Nguyên Không Từ Phương quán xuyến. Đến năm Nhâm Ngọ, 2002 thì thành lập Ban Điều hành môn phái. Đầu năm 2005, Thượng tọa Từ Phương viên tịch. Sau đó thì Đại đức Quảng Đại Nguyên Minh kế tục làm Giám tự cho đến ngày nay.

(Xin xem kỳ sau: **Thời kỳ Chín bậc Cao tăng xuất hiện**).

Chú thích:

1. Chúng tôi không rõ vì lý do gì, Hòa thượng là bậc Cao tăng lừng danh từ nửa đầu thế kỷ XX, người có công rất lớn trong việc giáo dưỡng hàng trăm vị đệ tử xuất gia, cũng như quý Hòa thượng Thanh Tú Tuệ Pháp, Tâm Ân Viên Quang, Đại sư Viên Thành, là những bậc Cao tăng lừng lẫy của Phật giáo, lại không được Hội đồng Cố vấn, Ban Biên soạn và 36 cộng tác viên, trong đó có Thượng tọa Nguyên Anh Hải Ân của Phật giáo Huế, lại không ghi tiểu sử quý Ngài vào Bộ “Tiểu sử Danh Tăng Việt Nam thế kỷ XX”. Trong khi đó, các vị đệ tử của quý Ngài lại có ghi ?

Chúng tôi nghĩ, dù với lý do gì thì đây cũng là một việc làm có phần khiếm khuyết. Thật đáng tiếc !

2. Trong Đặc san “Kỷ niệm 150 năm ngày Tổ khai sơn chùa Từ Hiếu viên tịch”, do môn đồ chùa Từ Hiếu ấn hành năm Phật lịch 2541, 1997, ở các trang 12, 60, 94 và 115 đều ghi là: “huyện Đăng XUYÊN”. Chắc là nhầm, vì địa danh này chỉ gọi là Đăng XƯƠNG, chứ không có thời nào gọi là Đăng XUYÊN.

Trong sách Phủ biên tạp lục của Lê Quý Đôn, do Nxb Khoa học xã hội ấn hành năm 1977, ở trang 81 ghi: “huyện Đăng XƯƠNG, có 5 tổng...”.

Chúng tôi xin nêu thêm một số liệu có giá trị gần đây nhất, để bổ chính cho sự nhầm lẫn này. Hiện trong nội dung văn bia nơi bảo tháp của Hòa thượng Thanh Tú Tuệ Pháp, tại chùa Thiên Hưng, do Đại sư Viên Thành cẩn soạn vào năm Đinh Mão, 1927, ghi rõ địa danh này như sau: “Thiên Hưng tự Giáo thụ Hòa thượng bi minh. Giáo thụ Hòa thượng Quảng Trị tinh, Triệu Phong phủ, Đăng XƯƠNG huyện, Bích La tổng, Trung Kiên thôn nhân dã...”.

3. Trong cuốn “Lịch sử Phật giáo xứ Huế” của TT. Hải Ân và Hà Xuân Liêm, bản in năm 2001, tại TP Hồ Chí Minh., ở trang 314 ghi: “Ngài Hải Thuận Lương Duyên, chùa Bảo Quốc (1806-1892)...” Ở trang 316 lại ghi: “Ngày 13.01 năm Ất Mùi, 1892 thì Ngài an nhiên thị tịch”. Rõ ràng, các niên đại trên đều xác định là Ngài tịch vào năm 1892. Chắc là nhầm, vì năm Ất Mùi là năm 1895, chứ không phải là 1892. Năm 1892 là Nhâm Thìn).

Hiện có hai số liệu rất đáng tin cậy về năm tịch của Ngài Hải Thuận Lương Duyên như sau:

a. Trong văn bia ở bảo tháp của Hòa thượng Thanh Tú Tuệ Pháp, tại chùa Thiên Hưng, do Đại sư Viên Thành, chùa Tra Am cẩn soạn vào năm Đinh

NỘI SAN HOÀNG PHÁP

Mão, 1927 có nội dung như sau: “Thành Thái Giáp Ngọ niên, Sắc tứ Bảo Quốc tự, khai Đại giới đàn, lễ Đỗ Lương Duyên Đại lão Hòa thượng, cầu thụ cự túc...”. Nghĩa là: “Năm Giáp Ngọ, 1894 dưới triều Thành Thái, chùa Bảo Quốc mở Đại giới đàn, bèn đến lễ Đại lão Hòa thượng Lương Duyên, xin thụ cự túc”.

b. Trong cuốn Việt Nam Phật giáo sử lược của TT. Mật Thể, bản in năm 1996 tại Huế, ở trang 201 ghi: “Năm Thành Thái thứ 6 (1895), (chắc là nhầm, vì niên hiệu Thành Thái thứ 6 là năm Giáp Ngọ, 1894) Ngài mở Đại giới đàn tại chùa Bảo Quốc, đến năm sau thì tịch. Thọ 91 tuổi”.

Các sử liệu này cho thấy, đến năm Giáp Ngọ, 1894, Hòa thượng Hải Thuận Diệu Giác chưa viên tịch. Theo Thượng tọa Mật Thể thì năm tịch của Ngài là năm Bính Thân, 1896.

4. Trong văn bia ở tháp Tổ khắc: “Tự pháp môn đại hữu cữu tú, tứ chúng quy y giả ngũ bách dư nhân”. Nghĩa là: “Đồ đệ nối pháp có 94 người, tứ chúng quy y hơn 500 người”. Nhưng trong bản: “Tiểu sử Ngài Tâm Tịnh” do môn đồ chùa Tây Thiên biên soạn thì ghi là: “Đồ đệ xuất sắc của Ngài có 49 vị, tín đồ quy y với Ngài không dưới 500”. Chúng tôi e rằng con số 49 là nhầm do thiếu cẩn thận khi đánh vi tính (94 thành 49).

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

- 1 Việt Nam Phật giáo sử lược của TT. Mật Thể, bản in năm 1996 tại Huế.
- 2 Phủ biên tạp lục của Lê Quý Đôn, nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1977.
- 3 Tra Am và Sư Viên Thành của Nguyễn Văn Thoa, Môn đồ Ba La và Tra Am ấn hành, năm Pl.2517, Giáp Dần, 1974.
- 4 Tiểu sử tự ghi của Hòa thượng Nhật Quang Trí Quang.
- 5 Đặc san kỷ niệm 150 năm ngày Tổ Khai sơn chùa Từ Hiếu viên tịch, do môn đồ chùa Từ Hiếu ấn hành tại Huế, năm Pl.2541-1997.
- 6 Tiểu sử Ngài Tâm Tịnh, do Môn đồ chùa Tây Thiên biên soạn và ấn hành năm Nhâm Ngọ, 2002 tại Huế.
- 7 Lịch sử Phật giáo xứ Huế, của TT. Hải Ấm và Hà Xuân Liêm, bản in năm 2001, tại Tp Hồ Chí Minh.
- 8 Và một số tư liệu lịch sử có giá trị khác hiện lưu trữ tại các Thư viện.

Thiền giả
Ra vườn nắng
Nắng vàng tươi
Mây vàng,

Lời Kinh cầu ngân vang
Mùa Xuân
Dâng Đại Nguyện
Đàn hạc trăng lừng trồi
Trong nắng Xuân phơi phói ...

Đại hồng chung
vang dội
Lời Kinh nguyện
lên cao
Trời Biển
xôn xao,

Đóa Sen Cười

Tuệ Nga

Mùa Xuân Đại Nguyện
Đài mây vàng
hiển hiện...
Đóa Sen Cười
hương ngát
Chú Đại Bi...



Đóa Hoa Vô Thường

(tiếp theo và hết)

3.

Tôi may mắn có được
nhiều kỷ niệm với các
ca khúc của Trịnh Công Sơn,
nói đúng hơn là có duyên.
Hầu như mỗi bài hát đều gắn
liền với một kỷ niệm. Cái hồi
mới đầu thì hát “Diễm xưa”.
Diễm xưa là một bóng hồng
thuở ngây thơ, một người con
gái Huế bên kia Đập đá mà
anh Sơn đã thầm yêu trộm
nhớ. Cái tên Diễm đã hay mà

thêm chữ xưa vào thì cổ kính
lắm. Có phải vì thế mà anh
giảng lên ca khúc của mình
một vẻ đẹp cổ điển “*mưa
vẫn mưa bay trên tầng tháp
cổ*”. Đó là một cơn mưa xứ
Huế vì chỉ có mưa Huế mới
dai dẳng và dằng dặc như
thế “*mưa vẫn mưa bay...*”.
Một lần nữa, anh Sơn lại
đưa triết lí vào ca khúc của
mình nhưng lần này là một

lời hứa, hay một lời thề thì đúng hơn – “*Ngày sau sỏi đá cũng cần có nhau*”. Tình yêu ấy là một thứ tình yêu muôn đời muôn kiếp, dù khó khăn gian khổ thì vẫn yêu nhau thắm thiết. Ôi cái tình yêu của những người nghệ sĩ thật đáng trân trọng biết bao, trong cuộc chơi với bạn bè hay cuộc tình với nàng đều vậy! Nhiều nhà thư pháp đã mượn câu này để họa bút như khéo nhắn nhủ những người đang yêu hãy giữ cho nhau cái tình bền lâu.

Nhạc Trịnh Công Sơn là sự chuyển tiếp diệu khéo léo. Hầu hết ca khúc của anh đều vào gam thứ rồi đến khi cao trào thì lên gam trưởng, với điệu slow dịu dàng mềm mại như đưa tình vậy. Với tôi, không một cuộc rượu nào là không hát ca khúc “*Như cánh vạc bay*” vì nó gắn liền với kỷ niệm tình yêu thuở ban sơ. Gặp một người con gái nào đó có cái nét giống với nguyên mẫu trong ca khúc của anh, thế là yêu. “*Nắng có hồng bằng đôi môi em/ mưa có buồn bằng đôi mắt em*.” Sau này họa sĩ La Toàn Thắng đã giải thích cho tôi cái câu ấy dưới góc

nhìn Phật giáo rằng: “*Nắng tượng trưng cho niềm vui, mưa là nỗi buồn, nắng mưa hay niềm vui nỗi buồn ở đời dường như đã đọng lại trong dung nhan của em làm ta yêu, bởi ở đó có cả cuộc đời*.”

Anh Sơn rất quý đôi mắt, trong nhiều ca khúc anh đã nhắc đến nó, “*vì trong đôi mắt đó có quê hương bạn bè*”, chính khi ấy anh yêu nàng vì trong nàng có quê hương, có bạn bè, yêu nàng chính là yêu cái đời sống rộng lớn ngoài kia. Dường như đến đây tình yêu đã vượt ra ngoài khuôn khổ của sự ích kỉ vốn có trong con người ta, anh thoát thân làm một con người cao cả. Bài hát “*Con mắt còn lại*” được anh phổ từ bài thơ của thi sĩ Bùi Giáng với âm điệu nhí nhảnh mà thâm sâu. Chỉ xoay quanh con mắt mà anh như muốn mang đến cho người nghe cả những luân lí giữa đời “*con mắt còn lại nhìn cuộc đời tôi/nhin tôi lên cao nhìn tôi xuống thấp*”. Đôi mắt của mẹ cũng được Trịnh Công Sơn nói nhiều trong các ca khúc mà người ta gán lên cho cái tên “da vàng” hay

"phản chiến", ở đó anh như nhận ra cái dằng đặc ngóng trông của người mẹ chờ con, người vợ chờ chồng trong cuộc chiến chinh trường kì.

Hầu như Trịnh Công Sơn đưa được tất cả các giác quan bộ phận trên cơ thể vào ca khúc một cách tài tình, "*môi nào hãy còn thơm/ cho ta phơi cuộc tình. Tóc nào hãy còn xanh/ cho ta chút bình yên. Tim nào có bình yên/ ta rêu rao đời mình*" (Ru ta ngậm ngùi). Rồi thì tứ chi cũng được anh âm nhạc hóa thú vị, "*bàn tay em năm ngón ru trên ngàn năm*" (Ru em từng ngón xuân nồng), "*tôi đi bằng nhịp điệu,*

một-hai-ba-bốn-năm. Em đi bằng nhịp điệu, sáu-bảy-tám-chín-mười" (Tình khúc Ô-bai). Đưa các bộ phận của con người vào âm nhạc nhưng không thô thiển kiểu nhục thể, ngược lại chúng rất có hồn. Với "Tình khúc Ô-bai", anh lí giải cái chuyện ta và em không thể yêu nhau là vì ta đi bằng nhịp một-hai-ba-bốn-năm, trong lúc đó em lại đi bằng nhịp sáu-bảy-tám-chín-mười, chính cái sự khác nhau đó không làm ta và em hội ngộ được một lần, cuối cùng anh đứng than thở "*sông cạn đá mòn, làm sao ta gấp, làm sao ta gấp được nhau..?*".

4.

Nhạc Trịnh Công Sơn dễ nghe, dễ thuộc và dễ hát nhưng không phải dễ hiểu, nếu mà cố tìm cách để hiểu hết thì càng khó, nên chỉ hãy cứ nghe lâu thấm dần thôi! Có người bạn bảo với tôi rằng, hắn chỉ thích nghe nhạc không lời để tự hiểu theo ý mình, vậy nên khi nghe nhạc Trịnh thấy hay nhưng chẳng hiểu nổi ngụ ý tác giả. Rồi hắn nhờ

giải thích câu "*từng lời tà dương là lời mộ địa*", tôi nói "*khi ta sống là thực chất đang tiến dần đến cái chết, mà mỗi lúc tà dương thì thấy dương như cái chết sắp đổ sụp theo bóng hoàng hôn*", thế đấy! Nhạc anh Sơn thâm thúy triết lí như vậy. Bài hát "Một cõi đi về" chẳng biết nên gọi là nhạc bi hay nhạc hùng, có lẽ nó là một qui luật tất yếu của tự nhiên, sống và



chết hiện sinh đồng thời trong mỗi phút giây. Chính điều đó mà anh từng nói “*Hãy sống hết mình trong mỗi sát-na của hiện tại!*”. Trịnh Công Sơn nói nhiều về cái chết, mặc nhiên gán cho nó với một định mệnh nên cái chết cũng không sầu bi lăm. Với anh, đón nhận cái chết là một điều rất “vô thường” chứ không phải là chuyện nghĩa vụ và thời hạn. Chết cho một cuộc hồi sinh và tái tạo lại bản thân ở một thực thể khác, mà với anh thì dù có kiếp nào vẫn muốn được ca hát – đó là ý nguyện của anh khi trả lời với Văn Cầm Hải lúc anh trở về Huế. Anh Sơn có thích sống không? Có! Bất cứ ai nói nhiều về cái chết đều rất yêu đời sống, chính vì yêu đời sống nên mới tự nhủ phải nhiệt tâm với đời, với

sáng tạo để khi nằm xuống đỡ phải nuối tiếc. “*Thí dụ bây giờ tôi phải đi, tôi phải đi, xa quê hương, dời sống này. Có chiều hôm, đưa chân em, về nơi xa. Mơ...*” - ấy là anh đang “Rơi lệ ru người” mà như ru mình vậy!

Tôi thích nhìn chân dung anh Sơn khi đang cầm điếu thuốc, nhìn bâng quơ về một miền xa xăm nào đó trong cõi mịt mù. Anh yên lặng với giọng kính dồi dào, chiếc mũ tai bèo trong vóc dáng hốc hác. Trong cái dáng vẻ ấy, anh vừa giống một nghệ sĩ, một nhà triết học và một vị thiền sư. Mà ở góc độ Phật giáo thì anh có thời đã từng lên ở chùa nên chi cái câu kinh dường như đang được anh niêm trong cái giây phút này. Anh Sơn,

dù ngồi hay đi vẫn tạo cho mình những khoảnh lặng để nhớ nhung, suy tư, “chiều một mình qua phố/ âm thầm nhớ nhớ tên em”. Người ta nói anh Sơn là người gốc Huế nhưng nhạc của anh là nhạc của mọi vùng miền, anh như một “gã lảng du đi qua những vùng đất và hát lên những bản tình ca”. Anh không viết riêng cho Huế một bài cụ thể nào, nhưng với “Chiều một mình qua phố” và “Diễm xưa” thì có lẽ cái chất Huế rõ ràng hơn cả.

Nhạc Trịnh Công Sơn là thứ gạo quê hương nên ăn mãi không thấy chán, ví von như thế là để so sánh với cái loại mì ăn liền của nhạc hiện nay. Dĩ nhiên nhạc anh Sơn mang một tầm cao hơn và ở một đẳng cấp khác mà ai cũng phải công nhận. Phải nói anh viết nhiều nhưng không bao giờ lặp lại chính mình, mỗi ca khúc đều có một nét riêng mà khi hát lên ta có cảm giác được sống thực sự. Nhờ hát nhạc anh mà tôi có thêm những người bạn tốt vì sự gặp gỡ ở một khía cạnh trong nghệ thuật cũng như đời sống. Nhạc anh đã dẫn dắt tôi vào thế giới của

phiêu bồng và cả lang bạt ở những quán cà phê Huế. Cố đô là đất cà phê mà hầu như quán nào cũng mở nhạc Trịnh. Lúc đầu chỉ nghe cho vui nhưng dần dà không biết nghiện cà phê hay nghiện nhạc mà cứ thích đến ngồi một mình để suy ngẫm. Với nhạc Trịnh, ta có thể đem làm mồi nhắm rượu đàn hát, cũng như chọn làm bạn tri âm để ngồi ở quán cà phê. Âm nhạc của Trịnh không làm mình cô đơn mà chỉ tạo ra sự chơi vơi.

Anh luôn phân vân giữa thực và ảo, trong cái cõi mông lung ấy đôi khi nhận ra cái sắc-không (trong Phật giáo) trong đời sống cũng như tình yêu. Ở “Nguyệt ca”, điều ấy thể hiện rõ hơn cả “từ khi trăng là nguyệt, lòng tôi có đôi khi, tựa bông hoa vừa mọc, hân hoan giây xuống thế”. Đến đó tình yêu vượt ra khỏi khuôn khổ của bản thức ham muốn vốn dĩ trong con người, nó rộng lớn như đất trời ngoài kia. Tình yêu - với anh đó là sự dâng hiến cho đời. Anh từng nói “ở đời này chỉ có thân phận và tình yêu. Thân phận thì hữu hạn, tình yêu thì vô hạn, chúng ta làm sao để lấy tình yêu

cứu chuộc thân phận trên cây thập giá đời". Dường như khi sinh ra, con người đã bị tử thần đóng đinh lên cây thập giá (hình tượng Chúa Giesu) nên mỗi phút giây đang sống là ta đang bị chết đi, chết không phải là hết mà là cuộc luân vũ cho cái sức sống mới biểu hiện, và anh nghĩ chỉ có tình yêu mới cứu nổi ta thoát khỏi những phút giây mặc nhiên ấy. Một triết lí lớn trong "Nguyệt ca" là nguyên lí âm-dương của triết

học Trung Hoa, "từ khi em là nguyệt, trong tôi có những mặt trời". Em - nguyệt - thái cực âm, tôi - mặt trời - thái cực dương, tưởng chừng như chúng đối lập nhau nhưng đó là một sự thống nhất vì chỉ có âm và dương mới hút nhau (theo quan điểm điện học vật lí). Em và tôi là âm và dương tạo thành cái viên mãn của hình đồ bát quái, một thể thống nhất bù trừ san sẻ cho nhau.

5.

Nhạc Trịnh Công Sơn là một bức tranh được vẽ nên bằng ca từ nốt điệu, trong bức tranh ấy anh quả là một người họa sĩ tài ba với việc sử dụng màu sắc tinh xảo. Mà thực ra thì anh Sơn cũng là một người cầm cọ tài năng đấy nhé! Nhiều bức chân dung anh để lại cho đời rất có hồn. Anh thích vẽ chân dung thiếu nữ trong cái khắc khổ của cuộc đời – theo tôi đó là những người tình trong cuộc đời anh.

"Trời ướm nắng, cho mây hồng" (Mưa hồng) – chưa ai



vẽ như vậy về mây cả, chỉ có anh chàng họa sĩ Trịnh Công Sơn mới vẽ nổi nó. Người ta thường nói mây trắng như bông chữ mây hồng thì họa chặng là điềm lạ. Nếu nhìn dưới góc độ của người quan sát thì anh Sơn đúng, khi nắng xuyên qua những đám mây, màu của nó như đã nhuộm lên trên đó nên mây mới có màu hồng. Anh sử dụng màu hồng ở đây để nói về niềm lạc quan hy vọng. Anh yêu con nắng và cũng chính con nắng ám ảnh anh những ngày còn sống, anh nói “*ngày xưa mình nghĩ rằng mưa buồn, nhưng mưa không buồn hơn nắng vì mưa thì chỉ có một màu, nắng có nhiều màu. Nắng cũng như đời người vậy!*” Ở góc độ nào anh Sơn cũng nhìn ra được cái tinh tế của đời sống và thể hiện nó rất gần gũi bình dị.

Màu xanh được anh phủ lên ca khúc với cái bạt ngàn trập trùng lá “*rừng xanh bao nhiêu lá, lá bao nhiêu trên cành...*” (*Rừng xanh xanh mãi*). Rồi thì “*rừng xanh, rừng xanh, em cây non mới lớn, còn tôi như cây già*”. Cái màu xanh bây giờ nó cũng đã có sự



phân cấp, ở đó em là xanh của cây non, tôi là xanh của cây già và chúng ta cùng hiện sinh trong một khu rừng tình ái rợp màu xanh. Có khi anh lấy màu xanh để nói về cái gầy guộc của một người con gái “*trên mùa tóc xanh, ngón tay em gầy nên mãi ru trên ngàn năm*” (*Ru em từng ngón xuân nồng*). Đôi khi màu xanh là cái thèm thuồng về một nhan sắc, “*em mượt xanh như ngọc mà tôi có đâu ngờ?*” (*Hoa xuân ca*).

Rồi thì đến vàng, bắt đầu là con nắng, “*nắng vàng, em đi đâu mà vội?*” (Bống bồng ơi!), hay là cái vàng rơi rất vội của kiếp người “*nhật nguyệt í a trên cao, ta ngồi í à dưới thấp, một đường í a cong queo, nắng vàng ối à đột ngọt*” (Cũng sẽ chìm trôi). Về cái màu vàng này, anh lại yêu nó bởi đó là màu nước da của người dân Việt Nam mình, trong đó có anh, có tôi và có cả em “*người con gái Việt Nam da vàng, yêu quê hương như yêu đồng lúa chín*”.

Màu tím thì anh dùng để vẽ sắc hoa khi hoàng hôn, “*có khi nắng kia chưa lên, mà một loài hoa chợt tím...*” (Chiều một mình qua phố). Cái tím của sự chờ mong dằng dặc nỗi nhớ, có chút gì đó buồn buồn nhuốm lên sự vật. Đối với người dân Huế thì màu tím tượng trưng cho lòng thủy chung, như một tà áo tím thoát tha của dáng em qua cầu Trường Tiền. Màu tím của anh cũng vậy! Màu trắng thì mang nỗi

tang tóc bi lụy, thế nhưng cái buồn của anh nó cũng là “*một nỗi buồn có tên*” rất sang trọng “*gọi nắng, cho cơn mưa chiều nhiều hoa trắng bay*” (Hạ trắng). Anh từng bị cái màu trắng ám ảnh khi một lần chợp mắt “*tôi thấy tôi qua đời*”, thức dậy cầm đàn viết bài Hạ trắng.... Rất nhiều màu khác được anh sử dụng mà nếu đem pha lại thì sẽ được một màu lam của Phật giáo, cái từ bi trong con mắt và cây cọ của chàng họa sĩ vẽ bằng nhạc ấy.

Dể vẽ chân dung Trịnh Công Sơn, quả thật là khó! Tôi chỉ biết nói yêu anh và viết những gì mình nghĩ được khi nghe nhạc của anh. Dĩ nhiên chừng ấy năm có mặt trên đời của anh Sơn chẳng phải là nhiều, cũng như bao nhiêu năm đối với tôi chưa phải là đủ để hiểu hết nhạc anh, tôi chỉ viết từ góc nhìn cảm quan cá nhân. Người ta kể lại với tôi, Trịnh Công Sơn là một người nghệ sĩ đích thực, một con người sống thực; còn với tôi, anh như một đóa hoa vô thường!

(hết)

THƯ

GỬI

BẠN

Diệu Ngọc



Bồ-đề tâm

Do công đức làm chùa vất vả, thầy cho anh một viên thuốc quý. Thuốc được làm bằng một loại cỏ hái từ những vùng đồi núi cao, rất hiếm. Cỏ được các vị sư hái về tinh luyện và chú nguyện rất lâu thành những viên thuốc nhỏ bằng hòn bi. Nghe đâu, thuốc chữa được bá bệnh, nhẫn đến những bệnh nan y như bệnh ung thư cũng có thể chữa khỏi.

Anh hân hoan cầm viên thuốc trên tay, trong lòng bâng khuâng nghĩ đến những người đang gặp họan nạn cần đến nó. Nhưng thuốc chỉ có một viên. Cho ai bây giờ?

Sau thời công phu tối. Anh ngồi yên lặng, để tâm thức mình chìm vào sự quán tưởng. Anh đem viên thuốc ra để trước mặt rồi bắt đầu nghĩ đến cô, hình ảnh cô trước mặt lung linh, trong sáng và đang mỉm cười. "*Miếng thuốc này anh nhường cho em*". Anh đưa viên thuốc lên môi, cắn một miếng, thuốc tan vào trong miệng trở

thành cam lồ thấm vào toàn thân, đồng thời trở thành ánh sáng lung linh óng ánh rót tràn đầy vào thân tâm cô. Anh thấy cô hoan hỷ, bởi chính lòng anh đang hoan hỷ. Anh lại cắn thêm một miếng thứ hai, nghĩ đến một người bạn khác đang đau đớn vì bệnh gan khó chữa. Miếng thứ ba anh dành cho cô bé ở đâu xa lắc mà anh không biết mặt, hình như cô bé đang bệnh, thuốc này sẽ chữa lành bệnh cho cô. Miếng cuối cùng, nhỏ xíu, anh bỏ hết vào miệng. Tuy miếng thuốc nhỏ nhưng công năng cũng giống như ba lần trước, thuốc tan thành nước cam lộ chảy về tim, từ tim tỏa khắp thân anh, rửa sạch những ác nghiệp của thân, khẩu, ý và các tâm sở từ thô tới tế, rồi từ tim, tỏa ra ngoài dưới dạng ánh sáng lóng lánh như nước tưới lên tất cả mọi loài kể cả những khổ đau khôn cùng trong ba đường dữ: địa ngục, ngạ quỷ và súc sanh....

Anh giữ hình ảnh sống động đó thật lâu, đắm vào trong sự hoan hỷ của tất cả mọi chúng sanh, bởi chính lòng anh đang hoan hỷ. Một lúc rồi mới từ từ xả thiền.

Anh hít vào một hơi dài trước khi lễ Tam bảo, hốt nhiên nhận ra rằng, viên thuốc thầy vừa ban chính là Tâm Bồ-đề như đóa sen vô nhiễm sáng ngời đang nở trong anh...

Thế Giới Ảo

Dêm hôm qua, tôi lại đi vào “Thế-Giới-Ảo”, một thế giới lung linh mà đối với tôi lúc đó lại... rất sống động, rất thật...

Tôi thấy mình đang nằm trên một cái bè chuối

to bản trôi trên dòng sông. Hai tay co lại làm gối, một bàn chân để thõng, đong đưa dưới mặt nước rồi cất giọng hát rất to. Có một điều kỳ lạ là bè chuối lại trôi ngược dòng, con sông lờ lững chảy. Hai bên bờ những hàng cây đong đưa phủ bóng mát, nghiêng mình chào đón khi chiếc bè trôi qua. Hình như dưới dòng, các chú cá cũng lon ton bơi theo bè nghe tiếng hát lảng dâng trên sông của một kẻ “cùng tử” đang thả hết tâm hồn mình với không gian êm đềm ấy.

Bè chuối vẫn cứ chảy ngược dòng, tránh né rất tài tình qua những vật chướng ngại trên con đường nó đi qua. Một hòn đá nhỏ nhô lên giữa dòng, một cành cây chìa ra cản lối, một khúc quẹo, v.v... nó đều vượt qua một cách rất nhẹ nhàng. Hình như chiếc bè và tôi là một, mọi ý nghĩ khởi lên, thì chiếc bè lái theo hướng ấy, tựa như tôi đang ngồi chèo thuyền, nhưng thực tế là tôi vẫn đang nằm lắt léo với bàn chân thò ra khỏi bè và vẫn hát. Thật kỳ diệu khi tâm thức có thể làm nhiều chuyện trong cùng một lúc mà không cần phải chú tâm riêng tới một công việc nào.

Trên bầu trời, lác đác một vài vì sao bắt đầu mọc, chúng lấp lánh và đẹp làm sao. Tôi chợt nhớ đến anh, trong một tối đầy sao, tôi muốn nói dùa với anh rằng, khi nào tôi sẽ hái những vì sao trên trời cho anh làm đèn, dịch kinh, viết sách... Rất tiếc, tối ấy tôi đã chẳng chịu nói, vì... thẹn, và cũng có thể vì thấy mình... cải lương quá nên tôi dành im lặng. Nhưng tối nay, tâm tôi mở rộng, chẳng có gì là đúng, là sai, là cải lương hay sến. Nếu có anh ở đây, trong mơ, tôi sẽ nói với anh những gì mình nghĩ, những gì trực tiếp từ cái tâm hồn nhiên tôi đang có.

Hết nhiên, tôi nhận ra được một điều thú vị. Chính chúng ta, ai ai cũng tự dựng lên những bức tường ngăn cản. Một cái tâm đầy phân biệt, phải làm thế này, đừng làm thế nọ. Thế này là đúng, thế kia là sai, cái này thì tốt, cái kia thì xấu. Người này đáng yêu, người kia đáng ghét, v.v.. và khổ đau đến từ đấy. Đồng thời tôi lại hiểu rất rõ rằng, Tâm-Vô-Phân-Biệt không có nghĩa là làm càn, làm bậy. Đó là một cái tâm hiểu rõ mọi sự và không để tình cảm mình nổi trôi theo nó, do đó sẽ không có bóng dáng của sự khổ đau.

Tôi vẫn chưa viết được hết những điều tôi muốn viết. Tôi lại nhớ anh. Tôi muốn đi hỏi anh để anh có thể “đọc” được tâm tôi và diễn tả giùm tôi những điều tôi chưa thể diễn tả.

Tôi xoay người. Nằm úp mặt trên bè chuối, để rồi, tôi đã không còn nhìn thấy các vì sao trên cao nữa....

Lòng Sân

Tôi đang bị một cơn giận hành hạ làm tôi muốn phát điên lên. Thật đấy! Chẳng hiểu sao hôm nay cái đầu bé tí của tôi bị... cúp điện, mấy sợi dây thần kinh ngưng hoạt động sao đó mà tôi không thể kiểm soát nổi cơn giận. Nó như một đám cháy lớn nổi lên phùng phùng làm cho người tôi muốn run lên. Mà kỳ, tận đáy cùng tâm thức, tôi biết mình đang giận, tôi biết mình không nên để cơn giận gia tăng theo cấp số nhân như thế, nhưng mặt khác, tôi lại cảm thấy khoái chí và hài lòng để cho nó cháy lên phùng phùng, vì nếu tôi dùng hết sức mình để đè nó xuống thì có lẽ tôi sẽ... hóa điên lên mất!

Chẳng đáng giận lắm sao khi con nhở Jenny dám vất vào mặt tôi một câu ngắn cùn, nhưng đầy năng lực để nhanh chóng nhóm lên một cơn giận trong tôi. Stupid! Đô ngu xuẩn! Sao nó lại có thể hồn xược như thế được nhỉ? Một thái độ thiếu lễ giáo và không tôn trọng người lớn. Nó chỉ là một con ranh con, mới nứt mắt không biết gì mà lại có thái độ vô lễ tới vậy! Hà. Thật chẳng ra làm sao khi đâm con nít bây giờ căn bản lễ độ chẳng bằng một con số zero. (Hì! Cái Ngã của tôi đang nhảy choi choi lên sân khấu của tâm thức, tha hồ vẽ voi, vẽ vượn! Tôi biết chứ, nhưng, lại rất... khoái chí khi thỉnh thoảng nhìn ngắm nó làm... trò khỉ cho chính mình xem!)

Ù! Tức thật đấy! Giận thật đấy!!! (Nếu cần phải giậm chân thình thình xuống mặt đất cho thỏa thì cứ làm đi nhé!)

Thôi! Xong chuyện rồi. Giờ tôi cần phải đi uống một ly nước lạnh. Uống thật từ từ... Sau đó sẽ tìm một chỗ khuất, ngồi khoanh chân mà điều hoà lại hơi thở.

...

Có lẽ tôi điên thật rồi. Ai lại đi chấp với một đứa con nít kia chứ? Cho dẫu, nó đã lớn, nhưng lời nói cũng chỉ là một âm thanh, lọt qua tai rồi biến mất. Điều đáng trách hơn cả vẫn là tại... tôi. Chỉ vì tâm tôi vẫn còn đa đoan, thích phân biệt nên mới ra nông nỗi ấy.

Hãy mỉm cười!

Hình như “điện, nước” trong đầu tôi bắt đầu hoạt động trở lại. Tôi đang gợi trong tâm câu chú của ngài Quán Âm, và nghĩ đến lòng Đại

Từ, Đại Bi của ngài mà bỗng cảm thấy thật hổ thẹn.

Viên Thuốc Quý

Thầy tôi dạy là muốn trưởng dưỡng tâm Bồ đề thì phải biết thương yêu và tập sao cho với được lòng ích kỷ. Nghe thoáng, nó giống như một lời nói ngọt ngào, dễ chịu. Nhưng áp dụng vào đời sống hằng ngày quả là một điều rất khó. Thương yêu thì hẳn là dễ rồi. Dĩ nhiên tôi rất thương... Tôi, sau mới đến thương cha mẹ, anh em, họ hàng ruột thịt. Thương người đứng thì chỉ có... một (cái kiểu thương yêu đôi lứa ấy mà!) Sau đó thì đa doan trong đời, vật vã với cơm áo. Tâm thức luôn bị thời gian và bốn phận bủa vây, quay quắt.

Nhiều lúc giật mình nghĩ lại. Sao tôi chán ghét Tôi tới thế! Giá mà có cái gương thần ở trước mặt để có thể soi vào, hẳn nhiên khuôn mặt tôi sẽ rất xấu xí tới phát ghét. Nào là tham lam, sân si, giận hờn, ích kỷ và cả một... cục quê mùa không biết nghe lời thầy dạy nữa.

Nghĩ lại “đám cháy” đốt tôi te tua về việc con Jenny dùng âm thanh “nghịch” tôi mấy hôm trước. Tuy đã cố gắng suy tư rất nhiều về lòng từ, sự tha thứ và những điều “huyền hóa” của cái Tôi chỉ là bốn đại kết hợp mà thành. Nhưng hình như trong tôi vẫn còn... ấm ức lắm!

Thấy chưa? Tôi thật nhở nhen và ích kỷ, đã qua mấy ngày rồi mà tôi vẫn còn để tâm tới cái âm ngắn cùn văng ra từ đôi môi hồng hồng của con bé. Mà buồn cười lắm, âm thanh đó hình như

đã biến mất vào hư không từ đời kiếp nào rồi!
Chỉ có tôi là cứ ôm ấp, thỉnh thoảng lại hâm
nóng nó ở trong tâm thô.

Stupid!

Stupid!

Tôi ngu thật đấy!

Hành động giữ mãi một niềm oán hận trong
tâm quả là một điều sai lầm và điên rồ...

Hôm nay, tôi đổi “thuốc”.

Tôi đang khởi tâm từ để nghĩ đến Jenny.

Hư Ảo ơi,

Bây giờ là buổi tối ngày thứ Tư. Chẳng biết ở
một nơi xa xôi nào đó em đang làm gì. Tối
nay, lang thang vào net, nơi chúng ta thường
gặp và nói những câu đùa vui trong bao lâu,
bỗng dung tôi cảm thấy buồn. Cảm được nỗi
buồn của em đã tình cờ nói tôi nghe buổi tối
hôm nào. Nỗi buồn mơ hồ lảng dăng, như hình
ảnh em nhạt nhòa không rõ nét. Tôi hiểu nỗi
buồn ấy có thể là một chỗ đứng trước khi em
bước sang một ngã rẽ khác. Nào ai biết được
chuyện ngày mai...

Tôi chưa bao giờ thấm thía câu “*Cuộc đời
như một giấc mộng*” như bây giờ... Nhớ lại
hết những kỷ niệm tôi có với em, chúng ta chỉ
là những bạn văn, thơ trong một thế giới ảo rất
chập chùng, nhưng niềm vui, nỗi buồn lại rất
thật. Nhưng nào xá gì hai chữ “*Thật - Hư*”, vì rồi
tất cả cũng chỉ đều nhẹ như mây trời... Chẳng
có gì bền vững, mây đến một lúc nào cũng phải
tan, như tôi với em, chẳng có cớ chi cũng vẫn...
xa nhau.

Nghe em bảo: *Mấy hôm nay trong lòng buồn
bã, cảm khái như là một người sắp lìa bỏ gia
đình cạo đầu xuất gia... nhưng dù sao cũng
chẳng có gì quan trọng lắm...*

Ôi! Sao câu nói cuối cùng ấy làm tôi buồn buồn chi lạ. Nỗi buồn không phải là một niềm đau đớn điên cuồng của một sự mất mát, mà cái buồn vì chính em đã làm tôi hiểu thêm về lẽ vô thường, mọi sự, mọi vật đều luôn thay đổi, đó cũng là điểm son mà mỗi con người chúng ta đều có những cơ hội để tu tập và vươn lên... Tôi biết em đang đi trên con đường mà càng ngày cơ duyên càng nở rộ. Chẳng sao có thể cưỡng lại được...

Tôi vẫn luôn tùy hỷ những hạnh em đã, đang và sẽ làm. Nếu một ngày nào, từ một miền xa lắc trên trái đất, tôi nghe tin em đã xuất gia, thì cũng xin tùy hỉ và cầu chúc em gặt hái được nhiều kết quả tốt đẹp trên con đường em đã chọn lựa...

Tình Yêu Vô Nhiễm

Một lần tình cờ em định nghĩa với tôi về một tình yêu trong lần nói chuyện với một người bạn, khi ông ta đang gấp những chuyện khổ sở vì yêu. Với giọng nhẹ nhàng, trong sáng em kể:

Để có một Tình Yêu Vô Nhiễm cần phải có ba điều kiện: Khi yêu:

1. *Phải đem lại niềm vui và Hạnh Phúc cho họ*
2. *Không bao giờ - cho dù bất cứ lý do gì - mà tình yêu của mình đem đến sự khổ*

*đau. Ghen tuông cũng là vì yêu, nhưng đó
không phải là một tình yêu vô nhiễm.*

**3. Khi yêu, ta phải cùng nương nhau đi trên
con đường đạo.**

Nghe em nói. Tôi im lặng và suy nghĩ đến người mình yêu thương xem có hội đủ được ba điều kiện em đưa ra không. Tình yêu vô nhiễm chắc chỉ có thể có trong em và trong lòng các vị Bồ-tát. Chỉ muốn cho đi, cho đi hết lòng, không nhảm moid mà chẳng cần nghĩ đến mình được nhận lại một điều gì. Còn tôi, với tình yêu tôi cho em, dĩ nhiên đôi khi, à, không, nhiều khi nhìn những cơ duyên nở rộ trên con đường tu tập của em, hốt nhiên trong tôi - thay vì tùy hỷ - thì ngược lại, cảm thấy... trái tim mình buồn buồn, se sắt. Tôi sợ đến một ngày nào đó tôi sẽ... mất em. Tôi hiểu, tôi hiểu rất rõ rằng, cái ngã trong tôi đang đòi hỏi một quyền tự hữu, dù đó là một tình yêu rất trong sạch tôi dành cho em...

Tính đến hôm nay, em đã sáu ngày rồi. Có lẽ đời sống bên ấy yên ổn hơn phải không? Tôi chưa có đủ duyên để được sống trong một tu viện, nhất là tu viện của Mật tông Tây Tạng. Chắc có lẽ cũng giống như đời sống của một tu sĩ, mọi thứ đều chậm lại, và tâm linh dùng nhiều trong việc tu tập hơn.

Còn tôi thì vẫn vậy. Ở đây, đời sống vẫn bươn chải theo dòng đời. Sáng nay thức dậy, nghe tiếng chim hót, nhìn ra cửa sổ thấy chú chim con đang đứng lè loi một mình trên cành cây Ngọc Lan, bên cạnh cánh Lan trắng muốt. Hình như chú đang hót cho cánh Lan nghe. Tiếng hót buồn buồn, diệu vợi. Như lòng

tôi đang diệu vợi nghĩ đến em. Rồi tôi lại tưởng tượng - bằng cái đầu óc rất phong phú của mình - xem em đang làm gì bên ấy. Có lẽ, như lời em đã từng nói với tôi trước kia, một ngày của em hoàn toàn cho sự tu tập, dù ở nhà hay ở chùa cũng thế thôi...

Nhưng dẫu sao thì không khí ở chùa vẫn dễ tu tập hơn chứ phải không em? Tôi đang mong chờ em về để kể tôi nghe trong những tháng tu tập em đã gặt hái được những điều gì. Tôi sẽ vui lây với những ngày an lạc em đã có. Chỉ sợ rằng khi trở về thì em đã trở thành... một vị nữ tu... Tất cả những luyến ái thường tình đã được gột sạch, em sẽ không còn thích vào net và mất thì giờ cho những việc vô bổ ấy nữa... Nhưng..., nhất định, tôi tin chắc rằng, tôi cũng được là một "đối tượng" của em về "Tình Yêu Vô Nhiễm" như em đã kể tôi nghe một lần em nói về nó cho một người bạn hôm nào...

Em thực không được bỏ một chúng sinh nào đấy. Nhất là một "chúng sinh" đáng thương như tôi...!

Chuyển Hóa

“Bằng lòng lấy chuỗi tràng em tặng để tụng chú mỗi ngày. Bằng lòng đi chùa mỗi sáng chủ Nhật....”

Đó là câu nói tôi nghe qua điện thoại theo thông lệ gọi về hỏi thăm Q. mỗi ngày trong lúc còn ở sở. Điều này làm tôi rất vui mừng. Có lẽ sự chuyển hóa trong tâm Q. đã có từ nhiều ngày trước, nhưng còn ngại ngần chưa muốn nói. Kỳ lạ ơn thăm thầy hôm thứ Hai vừa qua đã là một

dấu ấn, một cái búng tay (của thầy) làm cho cơ duyên chín mùi trong tâm để Q. có thể nói ra được câu nói ấy. Tôi không biết sự chuyển hóa này chỉ tạm thời hay đúng là cơ duyên cho Q. vào đạo. Nhưng dấu sao, cũng là một điềm tốt trong năm nay....

Dầu năm, tôi có hai người thân được chuyển hóa. Một là Q., hai là Em. Dĩ nhiên, dùng chữ “chuyển hóa” đối với em thì thật không đúng chút nào, vì em đã tu tập trong bao nhiêu năm nay, bây giờ cơ duyên chín muồi để em có thể bước thêm một tầng sâu hơn trong đạo. Nhưng dấu sao, đó cũng là những tin vui cho tôi. Tôi biết chuyến đi “ẩn tu” của em kỳ này sẽ là một chuyến đi tuyệt diệu, khơi mở thêm cho em nhiều cơ duyên mới để có thể đi xa hơn trong con đường tâm linh. Còn Q., tôi hy vọng sẽ được chuyển hóa khi đi nghe pháp vào những ngày cuối tuần...

Còn tôi. Rất tiếc, tôi vẫn phải vướng mắc trong những chướng duyên của mình. Muốn có cơ hội được đi ẩn tu giống em, hoặc ít nhất muốn được đi nghe pháp cuối tuần cũng quả là một vấn đề nan giải. Đành ngồi đây, mơ màng tùy hỉ với những gì người khác đang có vậy...

Mặt trời đã bắt đầu mọc. Một ngày lại bắt đầu. Tôi sẽ làm gì để có được thêm một ngày lợi lạc cho chính mình và cho tất cả những người chung quanh?

Mẹ

Nói về mẹ. Thực tôi có rất nhiều điều để nói. Nhưng tựu trung người mẹ nào trên trái đất này cũng đều giống nhau ở một điểm:

Yêu thương con mình vô điều kiện và chỉ mong cho chúng được an vui.

Năm nay, mẹ đã ngoài tám mươi rồi. Vẫn còn rất minh mẫn nhưng càng ngày mẹ càng khó tính, hay hờn mát và thích được chiều chuộng như một đứa con nít. Mẹ đã quy y Tam bảo, nhưng lại chẳng thích niệm Phật, chỉ thích đi đến những nơi có người lên đồng, lễ lạy và được “Cậu” ban cho vài miếng bánh, vài đồng được đựng trong những phong bao lì xì màu đỏ. Những lúc đi dự những buổi lễ lên đồng như thế, mẹ mua rất nhiều hoa, trái cây và cúng nguyên một con heo quay sữa, nằm trên một cái mâm gỗ đỏ rực. Mẹ được những người bạn lên đồng khen là rộng rãi, xinh đẹp, vì mẹ rất diện khi đến những nơi như thế.

Mẹ dành rất nhiều thì giờ - gần như cả ngày - để xem những phim bộ của Đại Hàn, Hồng Kông và Việt Nam. Có hôm tôi đến thăm, thấy mẹ vừa xem phim, vừa chảy nước mắt, hoặc phẫn nộ vì những vai xấu ác đang “hành hạ” tâm thức mẹ. Sau đó thì quay qua trách cứ các con không “tốt”, để mẹ lúc nào cũng cô đơn. Tôi thường nhắc nhở mẹ đi chùa và niệm Phật mỗi ngày. Sợ mẹ nổi cáu, tôi chỉ nói một cách nhẹ nhàng: “Chúng ta đã quy y Tam bảo, đã là con của Phật thì nên đi chùa, niệm Phật vẫn tốt hơn chứ!”

Bàn thờ Phật của mẹ trang hoàng những tượng, những lăng hoa, và nhiều món trang trí đầy ngonen. Thỉnh thoảng đến thăm, tôi lại bỏ bớt đi những cái không cần thiết và ân cần dặn dò rằng, bàn thờ chỉ để thờ và tụng niệm mỗi ngày, không phải để trang hoàng cho nhà cửa

thêm đẹp và nhất là nên bớt thì giờ xem phim bộ để tụng kinh sáng, tối, thì lúc đó mẹ sẽ bớt có những ý tưởng bi quan không có thật. Tôi cho mẹ một chuỗi tràng đeo tay để mẹ có thể niệm và đếm số. Trên bàn thờ Phật, mẹ đã có ít nhất là 3,4 chuỗi treo lủng lẳng trên đó rồi. Nhưng những thứ đó hình như chỉ để... trang hoàng chứ không phải để dùng, nên tôi ân cần dặn dò rằng, đây là cái mẹ cần đeo vào tay và dùng hằng ngày. Đừng cất trên bàn thờ Phật nữa. Ban đầu chỉ cần niệm một vòng thôi, sau đó thì tăng dần lên. Niệm Phật rất tốt, thứ nhất là trong khi lân chuỗi thân không làm điều gì bậy (thân thanh tịnh). Thứ hai làm cho miệng không còn thì giờ nói những điều xấu, ác (khẩu thanh tịnh). Thứ ba là dù trong lúc tạp niệm thì câu hồng danh của Phật cũng là một hạt mầm tốt trong tâm thức để có thể gieo duyên thêm cho những kiếp sau (ý thanh tịnh).

Mẹ nhận chuỗi tràng của tôi đeo vào cổ tay, M sung sướng mỉm cười. Cái cười hồn nhiên thấp thoáng của trẻ thơ. Cái cười của một người vẫn chưa biết được việc nào thực sự lợi ích cho mình, việc nào không, nhất là ở trong tuổi gần đất xa trời này của Mẹ...

Vài ngày sau tôi lại đến thăm. Thấy vòng chuỗi đeo tay tôi cho hôm trước đã được nằm chung “số phận” với mấy chuỗi trước tôi cho được treo lủng lẳng trên bàn thờ rồi...

Ngày...tháng...năm...

H ôm nay Chủ Nhật, tuần lễ thứ hai mà Q. hứa đi chùa. Tuần trước rất... ngoan, tuần này thì không chịu đi nữa, viện đủ cớ để được

ở nhà. Tôi im lặng, có lẽ tôi phải cầu nguyện và hồi hướng thêm cho Q. Nhưng tôi cũng hiểu rất rõ một điều, mỗi người mỗi nghiệp, khi nghiệp quả chín muồi thì chẳng ai có thể biến đổi được. Mình chỉ có thể tịnh hóa được những ác nghiệp khi nó chưa trổ quả mà thôi.

Hôm qua bác sĩ hoan hỉ báo tin Q. gần như đã trở lại bình thường. Đối với tôi đó là một “phép lạ”. Có thể do sự ban ơn lành của thầy, của các bạn đạo đã hồi hướng. Dĩ nhiên Q. rất vui, và cho rằng mình... được phép sống lại đời sống cũ, cái lối sống mà với tôi đã đưa đến sự bệnh hoạn cho Q. ngày nay.

Tôi phải làm gì để đem lại hữu ích cho đời sống Q. bây giờ? ...

(hết)

SƯƠNG GIÓ XÁ

MIỀN

LAM KHÊ



(tiếp theo và hết)

Cuộc đời hai đứa bé lại trải qua một bước ngoặt mới. Cuộc sống ở chùa giúp chúng lấy lại sự hồn nhiên trong sáng cùng nhiều niềm tin yêu của tuổi thơ.

Sư thường nói: “Cũng từng là con mồ côi nên thầy hiểu và thương chúng điệu như con. Ước nguyện của thầy là mong các con khi khôn lớn trưởng thành, làm một con người tốt trong xã hội. Dù không phải tình thân ruột thịt, nhưng đạo tình huynh đệ các con hãy cố giữ, cùng thương yêu dùm bọc nhau trên bước đường đời. Nếu đủ duyên đi trọn con đường đạo, các con cũng nương theo hạnh nguyện bí trí dũng của chư Tổ Đức, làm một cội Bồ-đề che mát cho nhân sinh đang chìm đắm trong cảnh binh đao khổ hoạn...”

Sống trong tình thương bao dung đầy đạo vị của Sư, hai chú bé nhanh chóng hòa nhập, không còn mang mặc cảm côi cút. Mấy chú tiểu đều được đi học, Nhân và Trí cũng cắp sách đến trường, hằng ngày cùng chúng bạn đùa giỡn vui chơi... Chỉ trong vài năm hai chú thuộc làu hết các bài kinh nhật tụng. Và rồi Sư phụ cho hai chú bé xuất gia. Người đặt pháp danh cho chú bé Nhân là Minh Lưu, còn Trí là Minh

Hóa. Cuộc đời hành điệu những tưởng đâu sẽ mãi yên vui trong nếp chùa quê yên vắng.

Mấy năm sau, chiến sự lan tràn khắp các vùng thôn dã. Miền quê yên bình thoáng chốc trở thành bãi chiến trường máu lửa, mặc tình cho bom đạn cày xới. Ruộng vườn nhà cửa tan hoang, lòng người cũng tan tác trước bao thảm cảnh mất mát đau thương, mạng sống như ngàn cân treo dâu sợi chỉ. Ngôi chùa cổ của thầy trò Minh Lưu cũng bị san bằng. Trước đó ít ngày, thầy trò đã dắt díu nhau tản cư lên phố. Trôi theo dòng người tỵ nạn, Minh Lưu bị thất lạc.

Dòng suy tưởng đang lùi về quá khứ, bỗng Minh Hóa lên tiếng:

– Huynh bị thất lạc, thầy lo lắng tìm kiếm đến phờ phạc cả người. Mấy chú tiểu ai cũng buồn héo hắt. Thầy rất thương huynh, lo cho huynh còn hơn cả sinh mạng mình. Còn tôi mấy hôm đó cứ khóc suốt, bởi ngoài huynh ra có còn ai thân tình cật ruột đâu...

Thầy Minh Lưu yên lặng trầm ngâm. Chuyện đời trôi qua từ lâu. Thước phim cũ đã xóa nhòa chợt đâu lại được chắp nối quay về. Một thời tuổi thơ loạn lạc. Một thời mà người ta đôi khi xem sự sống chết nhẹ tạ lông hồng. Đứng giữa lằn ranh đó, tâm trí con người cũng trở nên cao cả, mạnh mẽ. Chơi vơi trong cảnh thất lạc thầy bạn, Tiểu Lưu chẳng còn biết sợ gì đến tên bay đạn lạc. Chú chạy khắp nơi, xơ xác như cánh chim non gặp trời đông bão, lòng chỉ đau đớn lo Sư phụ cùng các huynh đệ bị nạn. Nước mắt những ngày ấy trôi lấp hết mọi ngã đường phía trước. Đôi chân như được mọc thêm đôi cánh thiên thần giúp chú băng qua hết những hố bom sâu hoắm. Chú đã chạy vật vờ hết ngày sang đêm trên những ngôi nhà cao đổ ập còn ngổn ngang khói lửa và nồng nặc mùi tử khí thê lương.

– Khi thất lạc, tôi quờ quạng chạy đi tìm kiếm hỏi thăm, nhưng chẳng gặp một ai quen biết. Lo lắng, sợ hãi, đói lả. Nghĩ đến Sư phụ cùng mấy huynh đệ không còn, tôi

chỉ biết khóc ròng. May sao tôi gặp được một gia đình tử tế cho ăn uống rồi theo họ di tản. Lòng vẫn định ninh, khi bình yên sẽ trở về chùa. Ai ngờ lần ra đi ấy biến biệt đến hơn một phần ba thế kỷ. Khi người ta lên tàu vượt biển ra khơi, tôi cũng chỉ biết đi theo...

Thời gian bốn mươi năm được kéo dài đến vô tận. Sự thế vốn đã thăng trầm, khiến xui lòng người nơi cửa đạo cũng quay cuồng trong cảnh hỷ nộ ái ố một kiếp nhân sinh. Chuyện của ngày qua hay chuyện của tháng năm dài đi tới.

Hai người lại tiếp tục câu chuyện dang dở:

– Phải nhiều năm tôi mới biết tin tức ở quê nhà. Lúc



hay tin thầy tịch, tôi đã khóc như ngày nào chạy loạn. Böyle giờ trở về, lòng tôi vẫn còn ân hận vì mình mà thầy không thể an lòng cho đến giây phút cuối đời.

– Chuyện tang thương đâu bể trong thời loạn lạc cũng đâu thể trách ai được. Nay huynh trở về, vẫn nguyên vẹn trong màu áo đạo, cùng một tâm tư rộng mở thông thoáng của người luôn ghi nhớ cội nguồn. Nơi cõi tịnh lạc xa xôi, chắc thầy cũng mãn nguyện yên lòng. Cùng mang một kiếp tầm nhả tơ. Những sợi tơ của huynh nối liền bao ý đạo tình người, trải cùng nhân sinh bốn bể.

– Trải qua không ít lần đối diện với cái chết, nhiều khi cũng suýt sa ngã vì nỗi bức

bách cám dỗ của cuộc sống. Nhưng tôi luôn vững vàng vượt qua. Chắc huynh còn nhớ, khi chúng ta xuất gia thầy nhắc câu nói của tôi trước kia và bảo: “Bây giờ con đã là một tiểu Hòa thượng rồi đấy. Phải đi hết con đường mà mình đã chọn. Ráng giữ mình tu niệm cho đến ngày thành tựu sở nguyện. Có như thế mới trả được ân đức bao người cứu mang dạy dỗ, mới cứu độ cho cha mẹ cùu huyền cùng chúng sanh khắp cõi.” Câu nói ấy trở thành điều tâm nguyện của tôi trong suốt quãng đời hành đạo xứ người.

– Sau ngày hòa bình, thầy cùng huynh đệ trở về lo tu sửa lại ngôi chùa.

Minh Hóa tiếp lời:

– Cuộc sống cứ thế bình lặng trôi qua. Nhưng từ đó, tôi nhận thấy thầy mình hay nghĩ ngợi ưu tư. Thầy thường nói: “Hằng đêm thầy vẫn cầu nguyện Quán Âm Bồ-tát gia hộ cho Tiểu Lưu”. Thầy luôn nghĩ tới huynh, người đệ tử mà người rất mực thương yêu kỳ vọng. Về sau có người Phật tử ở xa cho thầy hay là huynh



còn tu và hiện ở nước ngoài. Nhưng vì lúc đó cảnh chùa quê chẳng thể nào liên lạc hỏi thăm gì thêm được. Mấy năm sau thầy lâm bệnh. Cho đến lúc gần mạng chung, Người vẫn bảo có ngày Tiểu Lưu sẽ quay về.

Một cơn gió lốc thổi qua cuốn tung bụi mù. Vị cư sĩ đưa tay dụi mắt. Hai người vẫn đi trong cát bụi, dưới tán những cây bằng lăng cao lớn. Trong tiếng lay động của gió ngàn, có cả tiếng chim nhạn tha phương gọi bầy nơi xa khuất.

– Ngày xưa vì tôi không mang ước vọng làm Hòa thượng nên dù có chuyên tu mộ đạo cũng khó giữ được lòng

mình. Chẳng phải vì hoàn cảnh. Cũng chẳng do một ai khác tạo nên, mà chính bởi tâm mình còn vọng cảnh phan duyên nên mới tạo tác sanh tình. Bao năm tháng đi qua rồi, khi đã nếm đủ dư vị cuộc đời, tôi mới thấm hết cảnh hồng trần vướng lụy đa đoan. Ước nguyện xưa lại nhen nhúm hiện về, như tia sáng vút qua, tôi chợt nhận ra vẫn còn đó một con đường phía trước...

Vị tu sĩ cười. Ánh mắt thân tình làm dịu hẳn cái nắng chiều gay gắt:

– Chúng ta đã ly biệt nhau lâu như thế, làm sao tránh được những khoảng cách khi đối diện. Nhưng rồi chúng ta cũng tìm lại được sự cởi mở thân tình từng có xưa kia. Hai chúng ta đều mang tâm trạng của kẻ lạc bước trở về. Tôi rong ruổi nơi miền sương gió xa xôi, còn anh thì mãi xuôi ngược chốn này. Chúng ta đã bỏ xa ngôi chùa cùng nhiều ký ức đẹp của một thời. Khi tôi trở lại quê hương thì anh cũng buông bỏ tất cả những mối dây ràng buộc bấy lâu. Bao năm an vui tự tại sống đời cư sĩ, anh không chỉ nỗ



lực tu cho mình, mà còn làm bao điều lợi ích cho đời cho đạo. Không là Hòa thượng, nhưng hạt giống Phật trong tâm anh vẫn ngời sáng.

– Minh Lưu... À... Thầy lại quá lời rồi. Tôi chỉ cố gắng sống trọn ý nghĩa làm người trong quãng đời còn lại. Ngày xưa tôi chẳng mấy chú tâm về chuyện học đạo. Đến quá nửa đời người lại đi tìm cầu sự học. Học để hiểu, để tu. Tôi từng tham học nhiều vị thầy. Bây giờ lại ước muốn được học với thầy Minh Lưu. Một giảng sư có tiếng từ các Phật học viện lớn nơi xứ người.

Thầy Minh Lưu quay nhìn người bạn vong niên, khẽ mỉm nụ cười ý nhị:

– Khi trở về đây tôi không còn mang danh nghĩa là giảng sư nữa. Tất cả công việc Phật học viện bên ấy tôi cũng bàn giao lại cho một vị thầy khác trong nom. Nay mai chúng ta sẽ cùng về quê đánh lề bảo tháp Sư phụ, rồi

trở lại đây. Tôi sẽ lập một am thất bên sườn đồi tu niệm. Chúng ta yên tu mà không xa lánh cuộc đời. Như kinh Phật nói: “Khi củi hết thì lửa tắt.” Những gì cần làm cho cuộc đời, ta đã làm xong. Những gì chưa làm thì cứ đợi duyên đưa đến. Dù có làm muôn việc, thì cuối cùng chúng ta cũng trở về với tâm thức đốn ngộ uyên nguyên nơi tự tánh. Đích cuối cùng là hướng đến con đường giải thoát an vui cho tất cả muôn loài.

Khi hai người về tới ngôi tịnh thất thì nắng chiều đã tắt. Trong ánh sáng chập choạng, một mảnh trăng non vừa le lói phía chân trời. Thầy Minh Lưu ngồi xuống bên tảng đá ý như chờ trăng lên. Vầng trăng qua bao tháng ngày vẫn sáng đẹp lạ thường. Hơn nửa đời hư thật, sương gió xa miền vẫn không xóa nhòa được niềm ước vọng trở về. Đêm về cho vũ trụ ngủ yên. Rồi ngày mai vạn vật lại ướm mầm tỏa sáng.

(hết)

Như cánh chim di



Vân Hạc,
Chiêu Hoàng
Không Quán viết

Phần 1. Vân Hạc

Qua một đêm mưa rả rích, buổi sáng thức dậy nhìn ra biển qua khung cửa kính từ ban công khách sạn vẫn thấy một màu ảm đạm dù mưa đã tạnh hẳn. Không thể bỏ ý định đi dạo trên bãi biển vì chiều nay tôi sẽ phải trở về thành phố mặt trời của mình, sa mạc và núi non... Là một người thích biển, tôi thích biển lắm vì ngày xưa tôi yêu Phượng và Phượng sống ở vùng biển. Những gì thuộc về Phượng, về biển hầu như đều ăn sâu bám chặt vào từng góc cạnh ký ức của tôi. Có biển là có Phượng, biển luôn mang hình ảnh Phượng của ngày xưa trở về cùng tôi, trong sáng hòa lẫn chút gì đó rất

dịu dàng, tế nhị. Ý tưởng bắt đầu lan man, tôi néo tiếng thở dài xua đuổi dòng nghĩ ngợi. Như cố tình câu giờ mong thời gian đi chậm lại để còn chờ ông mặt trời xuất hiện, tôi pha ly café và ngồi xuống chiếc ghế ở góc phòng nhâm nhi, nhưng rồi vẫn cảm thấy sốt ruột, đồng hồ trên chiếc máy điện thoại đã đổi sang con số 8 vậy là tôi quyết định xuống biển... Bãi biển vắng vẻ, gió lành lạnh, từng con sóng vỗ vào bờ và bầy hải âu vẫn bay lên, sà xuống đậu đầy trên bãi cát. Đầu trời âm u, dày sương mù nên tôi chỉ thấy một màu xám từ xa, tôi chậm rãi hướng về phía cây cầu nơi mà mọi người thường lên đó để câu cá. Một cô gái với mái tóc được trùm kín trong chiếc khăn màu tím nhạt quay lưng về phía tôi, hình như cô đang dùng vỏ ốc để vẽ trên cát. Tôi dừng lại và ngạc nhiên... những dòng chữ bằng tiếng mẹ đẻ của tôi đang hiện trước mắt. Bước chân của tôi làm bầy hải âu vỗ cánh tạo nên tiếng động. Cô gái ngoảnh mặt lại kèm theo cái nhíu mày và rồi trố mắt khi nhận ra tôi là một người Á Đông.

“Cô là người Việt... tôi chắc vậy!”

“Thì ra ông đã đọc lén những dòng chữ của tôi.” Cô bẽn lẽn trả lời rồi đứng dậy đưa hai bàn chân mình dẫm lên những con chữ hầu muốn giấu đi những gì cô viết.

“Oh... xin lỗi cô... tôi không cố ý tờ mờ... sự có mặt của cô trên bãi biển vắng một buổi sáng như thế này đã tác động đến tâm nhìn của tôi...” Vừa nói tôi vừa cười xã giao, mong sao cô gái đừng nổi cơn thịnh nộ. Cô gái im lặng nhìn xa vắng ra biển rồi ném tung cái vỏ ốc trong tay xuống nước. Tôi cảm thấy mình trở nên thừa thãi vô duyên nên dởm chân bước đi.

“Này ông... ông định đi đâu đấy?”

“Cô gọi tôi?”

“Vâng... nếu ông còn thích đọc tiếp những gì tôi viết.” Cô gái dí dỏm cầu hòa.

“Nếu cô cho phép, nhưng cô phải viết nhanh nhanh lên không thôi tôi bị trễ chuyến bay!” Tôi pha trò.

“Ông không ở đây?”

“Không... tôi đến đây để thăm người bạn, một vị ân nhân thì có lẽ đúng hơn!”

Cô gái tròn xoe đôi mắt “Một vị ân nhân?”

Tôi gật gù lập lại “Đúng là một vị ân nhân!”



John là ông sếp cũ của tôi. Khi tôi bắt đầu cuộc sống mới trên đất Mỹ gặp nhiều khó khăn thì ông là người chịu nhận tôi vào làm tạm thời ở công ty, lúc đó ông đã là giám đốc coi về nhân sự. Ban ngày đi học ban đêm đi làm, sau 4 năm miệt mài chăm chỉ tôi ra trường với bằng kỹ sư và chính thức trở thành nhân viên của công ty. Ông John tỏ ra quý mến tôi, luôn miệng khen ngợi người Việt Nam chịu khó. Càng ngày tôi càng được công ty tín nhiệm vì khả năng làm việc và ông không những trở thành một người bạn mà còn là một người thân tình, xem tôi như một thành viên trong gia đình ông. Bây giờ ông đã về hưu còn tôi thì đổi sang công ty khác, nhưng chúng tôi vẫn liên lạc thường xuyên và vẫn đến thăm nhau mỗi khi có dịp. Tôi nhận được email của John sau ngày lễ Tạ Ơn cho biết ông và vợ sẽ trải qua những ngày nghỉ đông mùa Giáng Sinh cùng con trai ở Jacksonville. Và cũng nhân dịp này con trai lớn của ông có buổi trình diễn nhạc nên ông bà sẽ ở chơi đến giữa tháng một mới trở lại Salt Lake city... Tôi bỗng có ý định đem đến một ngạc nhiên cho John và gia đình ông. Tôi không hồi đáp email và sửa soạn cho một chuyến viếng thăm Jacksonville của mình.



“Vậy là ông đã có những ngày vui ở thành phố biển này...”
Cô gái tiếp lời.

“Cô ở đây lâu chưa?”

“Vừa được 6 tháng...” Giọng cô gái như mang một nỗi niềm.

Lúc này tôi mới nhìn rõ được cô ta. Chiếc khăn màu tím buộc quanh đầu làm lộ ra khuôn mặt tròn và sáng, đuôi mắt hơi xếch lên, đôi môi tái nhạt nhưng trông xinh xinh. Chợt nhớ mấy câu thơ tôi đọc trên bãi cát, không lẽ là thơ của nàng?

“Cô viết tiếp cho tôi đọc đi chứ!”

“Đùa với ông cho vui thôi chứ tôi chẳng còn chữ để viết... 6 tháng nay tôi viết mỗi ngày và biển đã mang đi hết... tất cả đã nằm yên vào lòng biển.”

“Tại sao cô lại làm như thế?” Tôi buột miệng và cảm thấy mình lỡ lời.

“Tôi muốn sống thật với chính mình nhưng không được nên bắt buộc phải dành vậy, ít ra cũng giải tỏa được phần nào cho đời sống nội tâm của tôi.” Cô gái cười buồn.

“Không lẽ cô sống không thật?”

“Đối với tôi, khi lẽ sống không còn thì mọi thứ trên cuộc đời đều trở thành vô nghĩa.”

“Cô bi quan à?”

“Không. Có lẽ tôi tự mình đánh mất niềm tin.” Vừa nói, cô vừa kéo chiếc khăn trên đầu xuống. Tôi ngẩn người khi nhìn thấy cô không còn tóc, tôi chợt hiểu ra...



Chúng tôi quen nhau trong trường hợp rất ngẫu nhiên, vào dịp có cùng “conference” ở Washington-DC, André đến làm quen với tôi vì vợ trước của anh là người Miến Điện nên anh bảo rằng cảm thấy gần gũi hơn với người Á châu. Mae đã qua đời do một tai nạn giao thông ở Bangkok trong

chuyến công tác bên đó, để lại cho anh một đứa con gái vừa được 3 tuổi. Sau một thời gian tìm hiểu, năm ngoái André đã ngỏ lời hỏi cưới tôi, anh vui sướng khi đeo chiếc nhẫn đính hôn vào ngón tay áp út của tôi. Bé Zana, con của anh sà vào lòng và gọi tiếng "mẹ" đầu tiên dành cho tôi, tôi ôm hôn bé cảm động, mãn nguyện với niềm hạnh phúc mà ơn trên đã ban phát cho mình. Tưởng rằng mọi chuyện sẽ tốt đẹp, vậy mà chỉ vài tháng sau tôi phát hiện ra những vết máu bầm trên cơ thể mình và cảm thấy mệt mỏi, thường xuyên chóng mặt choáng váng. Tôi đến gặp bác sĩ gia đình để xem tình hình sức khỏe và sau hai lần thử nghiệm máu, bác sĩ đã cho biết thật sự về căn bệnh. Lúc đầu tôi tự tin lăm, lạc quan nữa vì tôi nghĩ rằng mình sẽ qua khỏi. Tôi niệm Bạch Y Thần Chú mỗi ngày để vững lòng tin. Nhưng rồi bây giờ tôi chuyển về thành phố này và trốn tránh André... tôi không muốn anh ấy nhìn thấy tôi như lúc này...



Như cánh chim di

Phần 2.
Chiêu Hoàng

Tôi thực là một kẻ chạy trốn. Chạy trốn chính mình trong căn bệnh ngọt nghèo. Hốt nhiên, tôi có cảm giác mình như bị hụt hẫng, như người mất đi điểm tựa, hoàn toàn mất hẳn niềm tin, tâm hồn hoang mang khi thì trống rỗng,

khi lại sợ hãi, đôi khi lại có cảm giác như một người đang rơi xuống một hố thẳm sâu không đáy... Điểm tựa mong manh cuối cùng là câu chú của Ngài Quán Thế Âm, tôi cố gắng niệm, nhưng tâm giao động quá, niệm một chút thì vọng niệm lại nổi lên, xôn xao như sóng vỡ bờ...

Ngày tôi rời thành phố trong đó có André và bé Zana. Tim tôi muốn vỡ ra từng mảnh. Tôi hiểu André sẽ đau khổ và bé Zana rất hoang mang vì cả hai sẽ thêm một lần thất vọng. Nhưng tôi làm được gì bây giờ nếu tôi ở lại? Tôi thực không muốn mình là một gánh nặng cho André, thứ nữa, tôi không thể chịu đựng được ánh mắt đau khổ của anh ấy.

Sáng hôm sau, chàng ra biển sớm. Hy vọng mong manh sẽ gặp lại được cô bé đang viết những tâm niệm gửi ra biển khơi. Chàng đi lang thang, phóng tầm mắt tới cuối tầm nhìn. Biển rất vắng, chỉ có tiếng sóng ầm ầm đập vào ghềnh đá. Chàng đứng xoay mặt ra biển. Mặt biển rộng mênh mang, sóng nhấp nhô chẳng bao giờ ngưng nghỉ, nhưng nếu phóng tầm mắt xa hơn nữa sẽ thấy mặt biển thật yên bình, xanh ngắt...

Chàng thong thả ngồi xuống điều hòa hơi thở và bắt đầu khởi lên trong tâm chúng tử *Hri* thăng đứng nằm trên một đĩa trăng. Trên đỉnh đầu, chàng mời thỉnh ngài Quán Âm về ngự trị, rồi qua thất chi nguyệt, sau đó chàng đi sâu vào thiền định với câu chú của Ngài... Câu chú tạo thành một chuỗi âm thanh trên môi chàng mấp máy, rất nhỏ, nhưng lại tỏa rộng cùng khắp trên mặt biển. Âm thanh như chắp cánh di sâu vào không gian thênh thang, tỏa rộng khắp đất trời... Đồng thời, ánh sáng từ tim Ngài Quán Thế Âm dùu dịu lan dần khắp châu thân, ánh sáng lóng lánh như trộn lẫn với những giọt nước cam lồ rửa sạch những nỗi khổ đau của chính chàng, của Phượng, của những người thân, xa hơn nữa, chàng nghĩ đến cô bé quàng khăn tím với giải lụa bay bay trong gió biển, đến André, Zana và những người chàng

NỘI SAN HOÀNG PHÁP

chưa từng bao giờ quen biết...

Chẳng biết chàng ngồi như thế trong bao lâu thì bỗng có giọng một người con gái gọi chàng trở về. Giọng nói khe khẽ, reo lên, như một người tình cờ vừa nhặt được một niềm vui nhỏ:

“A. Hóa ra ông vẫn còn ở đây!”

Rất tự nhiên, cô ngồi xuống bên cạnh, tò mò nhìn chàng:

“Ông cũng có tâm sự muốn gửi cho biển hả?”

Chàng từ từ xả thiền. Đó chính là cô bé hôm qua chàng đã gặp. Hôm nay, khuôn mặt cô có vẻ tươi tinh hơn một chút, ánh lén sự lung linh. Cô tâm sự:

“Hôm nay, em không muốn gửi những bài thơ cho biển giữ nữa...”

Chàng nhìn cô với một tâm thức còn rất thanh tịnh của một hành giả mới vừa trở ra trong cơn thiền định và đôi mắt đầy từ mẫn:

“Thế em ra biển làm gì?”

Cô chẳng trả lời. Nghiêng mặt, ngẫm nghĩ rồi hỏi lại:

“Nhưng tại sao ông vẫn còn ở đây? Chẳng phải ông đã ra phi trường cho kịp chuyến bay hôm qua sao?”

“Không. Đến phút chót còn một chuyện để làm nên tôi quyết định ở lại”

Cô ngược nhìn chàng với đôi mắt ngây thơ, hỏi lại:

“Chuyện gì mà có vẻ quan trọng thế?”

Chàng trả lời một cách mập mờ:

“Ồ. Chuyện thiên hạ ấy mà. Nhưng chuyện thiên hạ cũng là chuyện... của tôi...”

Với giọng trầm trồ, chàng tâm sự:

“Tôi rất thích biển. Ở biển mang một điều gì vừa huyền diệu,

vừa kỳ bí. Trong những trang kinh của chư Phật, biển được ví như Tâm. Cái tâm mênh mang không bờ bến, có thể biến hóa ra những mê đồ ảo phố, cũng có thể tĩnh lặng như một mặt hồ nước trong. Em nhìn kìa. Phía xa tít cuối chân mây, mặt biển thật yên tĩnh, không có những gợn sóng xôn xao nào cả, trái hẳn với phần biển gần bờ đầy những sóng. Sóng. Tôi ví chúng như những vọng niệm rất thô kệch nổi trên bề mặt của Tâm. Còn ngoài kia, xa tít. Tuy có vẻ bình yên nhưng cũng vẫn có những đợt sóng ngầm tựa như những phiền não vi tế. Khi một hành giả dứt được hết những vọng tưởng vi tế thì biển tâm ấy trở thành một biển quang minh chói lòa, tĩnh lặng với niềm đại hỷ lạc trong ánh tịnh quang, lúc đó không còn bệnh tật và bóng dáng khổ đau nào nữa. (quay qua, mỉm cười...) Nhưng đó chỉ là những ý niệm khởi lên trong lúc thiền quán thôi. Chắc em không cười thầm tôi đấy chứ?"

Cô bé ngược lên nhìn chàng, trả lời nghiêm trang. Giọng nhẹ như hơi thở:

"Không ông ạ. Những gì ông nói làm em cảm thấy rất hay và thật xúc động, mặc dù chẳng biết hay ở điểm nào, chỉ mơ hồ cảm thế thôi, và cũng chẳng hiểu tại sao lại bị xúc động đến thế. (Mỉm cười một cách hóm hỉnh) Em còn trộm nghĩ rằng, có lẽ, những gì ông vừa nói lại còn hay hơn...nỗi buồn của em đang giấu kín nữa đấy!"

Phải mất nhiều ngày qua những câu chuyện ngắn chàng mới có thể chấp nối và hiểu được lờ mờ về cô bé. Dĩ nhiên, chàng cũng không tò mò muốn hỏi, vì sự tôn trọng, cũng vì sợ động đến vết thương còn quá mới trong tim cô. Hơn thế nữa, chàng còn biết cô đang điều trị về một căn bệnh ngặt nghèo, khó chữa.

"Ngày mai em phải vào nhà thương chạy điện. Những lần chạy điện xong thường có những phản ứng phụ. Em sẽ rất mệt nên không ra biển được đâu"

Chàng xót xa nhìn cô bé, ân cần như nói với người bạn

nhỏ:

"Tôi có thể làm giúp gì được cho em không?"

"Không cần đâu. Em vẫn thường cầu nguyện Ngài Quán Thế Âm vào mỗi tối. Nếu được, xin ông hãy cầu nguyện và hồi hướng cho em..."

Đó cũng chính là lý do làm chàng ở lại, thiền định, quán tưởng, khởi tâm từ cầu xin Ngài Quán Thế Âm chữa lành bệnh cho cô.

Cả hai yên lặng cùng nhìn ra biển. Một lúc. Chàng nghe tiếng cô bé hát khẽ. Đó là một khúc hát mà chàng rất ưa thích. Bài hát chấm dứt, cô lại chuyển qua một bài khác, lần này là một khúc nhạc ngoại quốc, cũng là bài mà chàng có rất nhiều kỷ niệm với Phượng năm nào. Chàng nghiêng mặt nhìn cô, những lời thơ phổ nhạc làm sự cảm động dâng từ từ lên khói mắt long lanh như sắn sàng rơi xuống một giọt lệ...

Chẳng ai nói thêm lời nào. Dường như cả hai cùng một tâm trạng, cùng mang những nỗi cô đơn lạc loài như những chú chim di...

Như cánh chim di

Phần 3.
Không Quán



Nhưng đột nhiên cô bé cất tiếng trong trேo lெn, nghiêng nhìn giọt lệ trên má chàng và hỏi: “Tại sao ông lại khóc? Em có nói điều gì làm ông buồn không? (ngập ngừng) Hay là... chuyện của em làm ông không vui?”

Trước sự hồn nhiên ngây thơ của cô bé, khuôn mặt nghiêng nhìn như một giọt sương mai đọng long lanh trên đóa hoa hồng mới nở trong đêm qua, chàng yên lặng không trả lời và lại đắm vào trong chú nguyện. Tâm chàng quay trở về những hành trì quen thuộc và mạnh mẽ hơn bao giờ, như chưa bao giờ chàng có thể hành trì được như vậy, từ nơi tâm thức thanh tịnh ấy khởi lên tất cả tình thương hướng về đối tượng duy nhất đang ngồi bên cạnh. Rồi chàng quán tưởng ngay nơi tim của mình từ từ khởi lên một đóa hoa sen ngàn cánh, muôn màu sắc sáng ngời. Các tia sáng tỏa tràn đầy mọi phương, nơi trung tâm đóa sen lại khởi nén chủng tự **Hri** cũng tỏa ánh sáng chói ngời tràn đầy mọi phương. Bao quanh chủng tự **Hri** đó là câu chú lục tự **Om Mani Padme Hum** (*) mà chàng vẫn thường quen trì tụng. Từ câu chú phát ánh sáng muôn màu thật đẹp, quay theo chiều kim đồng hồ. Và chàng khởi lên trong tâm lòng từ bi vô hạn, hướng tất cả những tình thương đó về cô bé, với toàn bộ sức chú tâm mà trong bao nhiêu lần hành trì trước, chàng chưa bao giờ có thể làm được.

Kỳ diệu thay, đột nhiên chàng thấy những ánh sáng muôn màu đó tụ lại nơi tim cô bé, và rồi cũng chính từ tim cô bé, bây giờ ánh sáng muôn màu lại tỏa ra sáng ngời... Và ô kìa... trên đảnh đầu cô bé hiện ra Ngài Quán Thế Âm, xiêm y toàn trắng bay phất phới trong gió biển, Ngài đứng mỉm cười, nụ cười rất từ bi nhìn chàng, tay cầm bình tịnh thủy với nhành dương liễu và rót xuống đảnh đầu cô một dòng nước cực kỳ tinh khiết, nhưng lại không phải giống như nước suối thường uống. Dòng nước cực kỳ tinh khiết ấy giống như ánh sáng mặt trời, cấu tạo bởi những nguyên tử ánh sáng, những vi trân, làm thành dòng tịnh thủy chảy qua đảnh đầu tràn ngập vào thân cô.

NỘI SAN HOÀNG PHÁP

Chàng kinh ngạc và ngồi lặng nhìn cảnh tượng kỳ diệu đó, các ánh sáng muôn màu vẫn tiếp tục tỏa rạng, và dòng nước tịnh thủy lung linh, rực rỡ cấu tạo từ những vi trần, những nguyên tử đầy màu sắc, tiếp tục tuôn chảy rót đầy thân cô....

Cảnh tượng ấy thu hút toàn bộ tâm thức kinh ngạc của chàng, điều lạ lùng kỳ diệu chưa bao giờ xảy ra... Chàng không còn chú tâm vào chủng tử **Hri** trong tim mình... Và hình ảnh đức Quán Thế Âm vẫn mỉm cười từ bi nhìn chàng, nhưng từ từ nhạt dần và tan vào trong hư không trên đầu cô bé...

Sự xúc động của lòng bi mẫn dâng tràn lên đôi mắt, chảy thành những giọt nước mắt tuôn rơi trên đôi má của chàng... long lanh long lanh...

Một lúc sau khi chàng hoàn toàn trở về thực tại, thì... Ô hay! trên khuôn mặt xinh xinh như đóa hoa hồng cũng có những giọt lệ long lanh như sương sớm...

Chàng mỉm cười - nụ cười đầy bi mẫn giống hệt như nụ cười của ngài Quán Âm - nhìn cô yên lặng, không gian chung quanh như vẫn còn rơi rớt lại những ánh sáng lung linh...

Giọng đầy xúc động, nàng nói với chàng, với giọt lệ rơi đầy trên má: "Ông ơi, sao kỳ lạ quá, hơn một giờ trải qua với ông, ngồi yên chẳng nói gì, mà em thấy lòng phơi phới, tâm minh an tịnh một cách kỳ diệu. Dường như mọi ưu phiền đều được rửa sạch bởi một sức mạnh thần diệu nào đó rót vào trái tim của em... Mà lạ lắm cơ, có lúc em thấy ông như là Phật Bà Quán Thế Âm nhỉn em..."

Chàng nhìn cô, với đôi mắt của một tâm thức thuần khiết, thong thả hỏi: "Vậy... sao em cũng khóc kia?"

Cô bé bẽn lén trả lời: "*Chẳng hiểu tại sao khi nhận luồng sức mạnh ấm áp chảy vào trong tim, thì em chợt thấy tất cả những đau khổ của mình trở thành vô nghĩa, nhỏ nhoi, trước những đau khổ của không biết bao nhiêu người trên*

thế giới... cho nên em cũng khóc..."

Chàng mỉm cười nhìn cô bé thật sâu vào trong đôi mắt diễm lệ, càng đẹp hơn bởi phần với những giọt long lanh chảy trên đôi má hồng hồng, đôi chút rám nắng của gió biển và ánh mặt trời, đã gần trưa rồi...

Cô nhìn chàng sung sướng... và hỏi chàng “*Sao tự nhiên em thấy đường như mình vừa được hồi sinh và thèm ăn cái gì quá. Ông có đói không? Em mời ông đi ăn trưa nhé?*”

Chàng yên lặng gật đầu nhẹ nhẹ. Tâm thức chàng vẫn còn bồng bềnh trong vùng ánh tịnh quang mà chàng vừa thực chứng. Chính chàng cũng cảm thấy mình như một con tằm vừa thoát ra được cái kén xấu xí của mình để biến thành một loài bướm quý, đang giang hai cánh bay lượn trong bầu không gian êm đềm thang trước mặt. Một niềm đại hỷ lạc mà ngôn ngữ không thể tả bày...

Hai người đi tản bộ sang phía bên kia đường, nơi có hàng cây râm mát tỏa rạng bên lề đường. Hai người từ từ chậm bước trên vỉa hè của con đường. Mùi thơm của bao nhiêu là các loài hoa nở rộ, tỏa đầy ven theo các nhà ở hai bên đường... Hình như tâm thức của họ vẫn còn vương vấn và hòa chung trong ánh sáng kỳ diệu ấy... Họ vẫn còn trong âm hưởng của niềm ngất ngây an lạc trong lúc ngồi bên nhau và sự kỳ diệu của luồng ánh sáng thuần tịnh, nên mọi động tác của họ đều nhẹ nhàng như tơ trời, những phiền não đều dứt bặt...

Mười phút tản bộ qua nhanh vô cùng dù hai người đi rất là khoan thai... Bên kia đường, có một quán ăn. Nàng nhìn chàng và cả hai bước vào quán ăn. Thì ra đó là một quán ăn Tàu nhỏ và xinh xắn. Bước vào trong, chàng mới thấy quán ăn có một phong cách tràn thiết thật nhã nhặn bằng những vỏ sò, ốc xoắn, muôn màu sắc thật đẹp. Cả hai chọn một góc nhỏ, ngồi bên cửa sổ. Có lẽ chủ quán đã bỏ công đi搜集 tầm trên mặt biển, hoặc mua lại của những người đi nhặt vỏ sò trên mặt biển. Nhìn màu sắc vòng xoắn của các vỏ sò, chàng liên tưởng ngay đến những hình ảnh Mạn-dà-la

bằng cát màu rực rỡ, mang nhiều hình vòng tròn đồng tâm mà chư tăng thường hay kiến tạo và triển lâm nơi khu chàng dang tạm trú. “**Om m m m...**”, chàng lại nhớ đến những lần chư tăng cùng hòa giọng trầm trầm, ngân nga chung tự Om, khi làm lễ khai mạc Mạn-dà-la, vang vọng trong tâm thức của chàng những âm sắc giao hưởng mạnh mẽ.

Tiếng nòng nhỏ nhẹ, kéo chàng trở về thực tại: “Ông ơi mình gọi hai món ăn chay nhé, không biết tại sao mà cái bụng đói của em lại thích mấy món rau áp chảo. Hình như tiệm này chuyên làm áp chảo bằng chảo lòng sâu gọi là **wok**, rất thơm và ngon”.

Chàng gật đầu mỉm cười, hình ảnh đức Quán Thế Âm vẫn còn tác động mạnh mẽ trên tâm thức của cả hai người, và cả hai đều tâm ý tương thông. Kinh nghiệm của sáng nay đều làm cho hai người muốn ăn chay. Bàn ăn bên cửa sổ, nơi đây có thể phóng tầm mắt hướng về mặt biển thật là đẹp. Bên ngoài ánh sáng mặt trời rực rỡ chiếu lên trên các ghềnh đá, trên bờ cát trắng mịn và phản chiếu ánh nắng trên mặt biển, tựa như những giải lụa vàng phất phơ nhảy múa thành một điệu ca kỳ diệu...

Sau bữa ăn trưa thật ngon của món áp chảo, họ đi ngược lại phía bờ biển trở về nơi đậu xe. Trên đường đi nàng ngập ngừng nói: “Thật kỳ diệu ông ạ! Em cảm thấy rõ ràng sau bữa ăn, tất cả những sức lực của em tăng lên phơi phới, đường như ông đã mang lại cho em một niềm vui cực kỳ mạnh mẽ, nhất là khi em quán thấy những nỗi khổ của muôn vạn con người đầy đầy trên cõi đời, em thấy mình không còn khổ, mà lại phát lòng thương đến những con người còn khổ hơn em vô cùng... Rồi em nguyện: chàng nào em cũng bệnh nặng và khổ quá rồi, có khổ hơn cũng không sao, và em hít một hơi dài sâu thắm vào lòng, xin lanh nhận tất cả những khổ đau của các chúng sinh đó vào trong thân mình. Ngay lúc đó, em thấy ông biến thành đức Quán Thế Âm, điều này em có nói hồi sáng cho ông nghe rồi.”

Chàng nhìn cô bé rất sâu trong đôi mắt xinh đẹp và trả lời:

"Xin thú thực với cô, tôi cũng nhìn thấy đức Quán Thế Âm thị hiện trên đảnh đầu của cô rót xuống một dòng nước cầu tạo bằng những nguyên tử của các ánh sáng muôn màu, nhưng nói ra sợ cô bảo tôi khùng cho nên vẫn im lặng".

Cô bé há to miệng ngạc nhiên đến sững người nhìn chàng...
Hóa ra là cả hai đều cùng thấy...

Cô bé lấp bấp: "Vậy hóa ra là ông đã thỉnh đức Quán Thế Âm thị hiện..."

Chàng giơ tay ngăn lại và cất giọng trầm ấm nói tiếp:

*"Nhưng cô ơi, đừng nghĩ là tôi đã làm được chuyện đó... Thật ra, tôi có một vị Thầy giáo hóa tôi rất nhiều. Và Ngài đã giảng cho tôi một pháp môn hành trì rất cao, có công năng chuyển hóa tâm và chữa bệnh... gọi là **Cho và Nhận**(**). Tôi vốn kém cỏi tu mãi mà không xong, nhưng ngày hôm nay vì chuyện của cô mà đưa đẩy tôi vào hành trì pháp môn đó ngay trong lúc quán đức Quán Thế Âm, và nhớ lại chuyện của cô kể hôm nào, bị bệnh ngặt nghèo. Khi thiền quán tôi đã thấy đức Quán Thế Âm thị hiện trên đảnh đầu của cô mỉm cười nhìn tôi từ bi và ngay lúc đó tôi khởi tâm xin lãnh nhận tất cả mọi khổ đau bệnh tật của cô, rồi từ đó phát tâm xin nhận lãnh khổ đau của toàn thế gian... Ngay khi đó, Ngài tươi trên đảnh đầu cô dòng nước ánh sáng các vi trần, nguyên tử muôn màu..."*

Cô bé càng ngạc nhiên cùng cực... đôi môi xinh xắn hé mở không thốt nên lời nào...

Chàng nói tiếp: "Tôi mới là người phải cảm ơn cô, vì cô đã dạy cho tôi thực hành thành công lần đầu tiên pháp môn **Cho và Nhận**. Cô chính là vị thầy sống động nhất mà trong đời tôi gặp. Trong từ ngữ của đạo, cô chính là vị thiện tri thức, nghĩa là vị thầy giỏi nhất của tôi đó..."

Chàng tỏ vẻ buồn buồn nói tiếp: "Nhưng chúng ta sẽ phải chia tay nhau ở đây. Tôi bắt buộc phải trở về, máy bay sẽ cất cánh chiều nay..."

Cô bé kêu lên: “Nhưng mình còn chưa biết tên của nhau nữa!”

Chàng lại xua tay ngăn lại: “*Xin cô cứ gọi tôi là ông khùng được rồi, còn tôi thì sẽ vẫn gọi cô là cô bé... Đây là địa chỉ của tôi, nếu rảnh cô cứ viết cho tôi vài lời... Nếu duyên của chúng ta còn, thì chúng ta sẽ gặp lại nhau thôi.*”

Hai người chia tay nhau...

Trời đã về chiều, mặt trời đã bắt đầu lặn và cảnh hoàng hôn trên biển đẹp vô cùng...



Băng đi cho đến cả bốn tháng sau, nàng gửi đi bức thư cho chàng, về địa chỉ **ông khùng**, vui mừng báo cho chàng biết là nàng đã khỏi bệnh một cách thần diệu. André và con nàng thật mừng rỡ, gia đình lại đầy ắp tiếng cười nói vui vẻ sinh động trở lại, đầy yêu thương hạnh phúc... **Cánh chim di đã tìm lại tổ ấm của mình...** Và nàng viết lá thư để báo tin mừng cho chàng biết, cũng để cảm ơn chàng đã giúp nàng khỏi bệnh một cách thần diệu. Và kể từ khi trở về, nàng vẫn thực hành pháp môn **“Cho và Nhận”**, không ngớt cầu nguyện xin tho lãnh tất cả mọi khổ đau của thế gian này...

Lá thư gửi đi, nàng thấp thỏm chờ đợi thư hồi âm... mà không có.

Khoảng một tháng sau đó, nhân một ngày đẹp trời, gió thổi mát hiu hiu, nàng dừng chân bên hộp thư ở ngoài nhà để kiểm xem, thì có một lá thư với dòng chữ rất lạ lẫm. Mở thư ra, nàng đọc:

“Tôi xin lỗi đường đột gửi bà (hay cô) lá thư này kèm theo thư của bà đã gửi cho ông khùng...”

Bà không biết tôi là ai đâu vì thực ra tôi chỉ là người ở cạnh căn nhà của **ông khùng**... và có quen biết với ông...

Thưa bà, cách đây khoảng bốn tháng, **ông khùng** trở về sau một chuyến đi xa... khi trở về, tâm hồn ông ta càng giống như lạc vào một cõi kỳ bí nào đó... Trước kia, ông ta vốn đã là một người khá lì lùng với chúng tôi. Một lần, nhiều người trong khu chung cư của chúng tôi đã gặp ông đứng như trời trồng trước cửa vào khu thương xá lớn gần nhà, đứng yên bất động, dưới chân để một bình bát nhận tiền bố thí, trên đó ghi là xin quyên tiền để mở một viện mồ côi cho trẻ em Tây Tạng. Chúng tôi là người Việt, còn mải lo giúp quê nhà, nên ông cũng chẳng thu được bao nhiêu, mặc dù ông đứng nguyên ngày như trời trồng bất động tại cửa thương xá..., miệng ông lẩm bẩm câu gì mà nghe rất khó hiểu. Có người tò mò ghé sát tai vào nghe, thấy như là **Namo ratna trayaya...**(***) những âm kỳ cục khó hiểu quá chẳng ai hiểu gì, chỉ nghe được chữ Nam-mô thì đoán là đạo Phật...

Kể từ đó chúng tôi gọi ông là **ông khùng**, và ông ta vẫn vui vẻ nhận mình là **ông khùng...**

Nhưng trở lại bốn tháng trước, khi ông khùng trở về thì chúng tôi nhận thấy ông ta càng ngày càng lì lùng kỳ bí... Một buổi sáng đẹp trời, chúng tôi thấy nhà ông ta mở tung cửa... đồ đạc gần như còn nguyên, nhưng cũng chẳng có gì nhiều, ngoài bộ giường tủ và bàn bếp. Các đồ trong tủ lạnh còn y nguyên, mà ông ta thì không còn trong nhà. Chúng tôi phải kêu gác dan lên khóa cửa cho ông ta lại. Một tuần sau cũng không thấy ông ta về nhà, và sau đó, ông gác dan đến dọn dẹp, vừa cho vừa vứt các đồ đạc của **ông khùng** đi, để cho người khác dọn vào. Kể từ đó chúng tôi có người hàng xóm mới.

Chỉ có điều, từ khi ông khùng mất tích, chúng tôi cảm thấy sự buồn bã càng ngày càng lớn hơn nhiều trong chung cư, cho đến nỗi chúng tôi không còn cười với nhau mỗi khi gặp nhau chào hỏi trong hành lang.

Vậy lá thư này chỉ muốn báo cho bà rõ là không thể chuyển lá thư của bà cho **ông khùng**.

NỘI SAN HOÀNG PHÁP

À quên, kính thưa bà, ông khùng mất tích rồi, chỉ viết trên cánh cửa bài thơ bốn câu, tôi chép xuống lại được như sau (chắc là để gửi lại cho bà):

*Nhận quá trường không
Ảnh trầm hàn thủy
Nhận vô di tích chi ý
Thủy vô lưu ảnh chi tâm.*(****)

Xin trân trọng chào bà và chúc bà mọi sự an lành."

Nàng rót hết từ ngạc nhiên này, xuống đến ngạc nhiên khác và ngồi phịch xuống bên vệ đường... thử người một lúc...

Lá thư đã rớt xuống đất tự hồi nào... bay theo ngọn gió hiu hiu...

(hết)



(*) Chú lục tự Quán Âm: "Án Ma Ni Bát Minh Hồng".

(**) Tonglen: pháp môn chuyển hóa tâm Cho và Nhận của Mật tông Tây Tạng.

(***) Chú Đại Bi bằng Phạn ngữ.

(****) của Hương Hải thiền sư. Xin tạm dịch:

Nhận bay ngang trời không
Bóng chìm đáy nước lạnh
Nhận chẳng có ý để dấu
Nước chẳng có tâm lưu ảnh.

Có không, đời vẫn thế

Nhạc: Nguyễn Tuấn

Thơ: Tùy Anh

The musical score consists of ten staves of music in G major, common time. The lyrics are integrated into the musical lines, with each staff containing both musical notation and corresponding text in Vietnamese. The lyrics describe a sense of time passing, the beauty of nature, and the transient nature of life.

Ngày chưa phai sắc nắng Chim kêu gào lè bạn Chiều chưa giăng tím
tím Thiết tha tiếng gọi đàn Người âm thầm trở giấc
Giữa biển đời mênh mang Chợt thấy lòng hiu quạnh Trong dâu bể trần gian! Lời
vui nương theo gió Lời buồn cuốn theo mây Mây gió thường lâng du Buồn
vui vẫn còn đây! Đã tháp tình lên mắt Đã tô hồng lên môi Môi
mắt là huyền nhiệm Thành hương lứa một thời! Một
trăm năm như huyền Mây năm cũng là mộng Thời gian như phấn
trắng Rót trên đời trầm hoang! Có không, đời vẫn thế Xin
giữ trọn niềm vui Có không, người vẫn thế Xin giữ vẹn tiếng cười!

Dưới bóng mát của chùm hoa anh đào, không có ai là xa lạ cả.

Thi sĩ người Nhật, Issa (1763-1828)



www.hoangphap.info

Bài viết và thư từ xin gửi: nshoangphap@yahoo.com
hoangphapvn@gmail.com